

DI - CẢO CỤ  
*Minh - Viên* HUỲNH - THỨC - KHÁNG

**PHAN  
TÂY - HỒ**

**TIÊN - SINH**

**Lịch - sử**



**1959**  
**ANH - MINH XUẤT - BẢN**  
**- HUẾ -**



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : PHAN TÂY-HỒ TIÊN-SINH LỊCH SỬ

Tác giả : Minh-Viên HUỲNH-THÚC-KHÁNG

Nhà xuất bản : ANH-MINH

Năm xuất bản : 1959

-----

Nguồn sách : [tusachtiengviet.com](http://tusachtiengviet.com)

Đánh máy : Nguyễn Văn Trọng

Kiểm tra chính tả : Võ Thành Phú, Tào Thanh Huyền,  
Phan Anh Quốc, Ngô Thanh Tùng

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 02/09/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận  
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG  
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả Minh-Viên HUỲNH-THÚC-KHÁNG và  
nhà xuất bản ANH-MINH đã chia sẻ với bạn đọc những  
kiến thức quý giá.**

# **MỤC LỤC**

## **LỜI NHÀ XUẤT-BẢN**

## **BÀI TỰA**

## **PHAN-TÂY-HỒ TIÊN-SINH NIÊN-BIỂU-ĐỒ**

I. GIA-THỂ BUỔI NHỎ CÙNG THỜI-KỲ HỌC CỬ-NGHIỆP (Từ nhỏ đến 30 tuổi).

II. LÀM BỘ-THUỘC Ở KINH CÙNG THỜI-KỲ TÂN-HỌC DU NHẬP (Từ 30 tuổi đến 33 tuổi).

III. GIAO-THIỆP VỚI ÔNG SÀO-NAM CÙNG THỜI-KỲ ĐI DU-LỊCH (Từ 30 tuổi đến 35 tuổi).

IV. ĐI NHẬT-BẢN VỀ VÀ HÀNH-ĐỘNG TRONG NƯỚC (Từ 35 đến 37 tuổi).

V. BỊ ĐÀY RA CÔN-LÔN, CÙNG THA VỀ SÀI-GÒN (Từ 37 đến 40 tuổi).

VI. MƯỜI BỐN NĂM Ở NƯỚC PHÁP (Từ 1911 đến 1925).

VII. VỀ NƯỚC VÀ BỆNH GIÀ (1925-1926).

## **BÀI KẾT-LUẬN**

## **TỔNG ÁN**

CÁC BẢN CẢO DO TIÊN-SINH TRƯỚC THUẬT

## **PHAN TÂY-HỒ TIÊN-SINH DẬT SỰ**

## **BÀI VĂN CỦA CỤ SÀO-NAM TẾ CỤ TÂY-HỒ**

## **PHỤ MÃY BÀI THI CỦA TIÊN-SINH**

**DI CẢO CỤ Mính-Viên HUỲNH-THÚC-KHÁNG  
PHAN TÂY-HỒ TIÊN-SINH LỊCH SỬ**

**1959**

**ANH-MINH XUẤT-BẢN**

**-HUẾ-**

## LỜI NHÀ XUẤT-BẢN

Chỉ có Phật mới biết Phật (duy Phật thức Phật), tư tưởng ẩn tàng của các nhà chí sĩ, trừ phi bậc đồng tâm đồng chí, không ai hiểu thấu, còn người thường dầu có hiểu đến chăng cũng chỉ hiểu một phần nào thôi.

Lịch sử cụ Tây-Hồ Phan-châu-Trinh, gần đây đã có nhà xuất bản, nhưng không thể nào rõ được tường tận, chưa nói lẫn chỗ sai lầm.

Cụ Mính-Viên Huỳnh-Thúc-Kháng viết về cụ Tây-Hồ, tưởng không phải nói nữa. Vì ngoài những lời phê bình chân xác, còn có những « dặt sự » không ai biết được. Hai nhà tiền bối, ngoài chỗ đồng tâm, đồng chí, lại còn đồng châu, đồng quận, đồng song ; từ thuở thiếu thời trong các cuộc nhi hý cũng như học tập, đều có nhau, và ngày sau theo đuổi một chủ nghĩa cho đến ngày cái quan, hai Cụ vẫn như hình với bóng.

Hiểu thấu nhau từ khi nhỏ, cho nên ngày cụ Tây-Hồ xin đi Pháp sau ngày ra khỏi ngục Côn-Lôn, các đồng bối lao nhao có lời dị nghị, chỉ riêng cụ Mính-Viên có bài thi tiễn-biệt đầy mỗi cảm thông :

*« Cô tra nhứt tạc độ Phù-Tang,  
Tây hải diêu diêu hựu thử hàng.  
Chích thủ quân tòng cao xứ trước,  
Bán sanh toàn vị quốc quần mang.  
Luận hành Dân-ước tuân Lữ-lão,  
Đáo nhập khoa tây diệu Nã-hoàng.*

*Thử địa tự-do hoa chính hảo,  
Bằng quân dị chủng đảo Viêm phương ».*

**DỊCH :**

*« Năm trên tách dậm thẳng Phù-Tang,  
Âu-lục ngày nay vượt bể sang.  
Nhắm thế cờ cao toan đặt ngón,  
Trộn đời việc nước khéo đa mang.  
Luận Lư-Xoa đó tìm Dân-ước,  
Mộ Nã-hoàng đây đốt nén hương.  
Thổ sản tự do hoa chính đấy,  
Nhờ người đem giống đến Nam phương ».*

Bài thi ấy tỏ rằng Cụ Mính-Viên đã gửi mỗi hy vọng nơi cuộc Pháp-du của Cụ Tây-Hồ.

Bản **PHAN-TÂY-HỒ TIÊN-SINH LỊCH-SỬ** này, cụ Mính-Viên thảo ra trong khi côi quạnh ở quê nhà tại làng Thanh-Bình, sau ngày cụ Tây-Hồ từ trần, năm 1926, đến nay đã 33 năm, bản thảo vẫn còn y nguyên. Nay chúng tôi cho xuất-bản, không thêm bớt một cái phẩy nào, để hùn một tài liệu quý giá trong kho tàng lịch-sử danh-nhân nước nhà.

***Huế, ngày 1-2-1959.***

**ANH-MINH**



Chân-dung Cụ HUỲNH-THÚC-KHÁNG (Chụp năm 1927)



## BÀI TỰA

*Làm một người chí-sĩ đã khó, mà làm chí-sĩ một nước đã mất rồi, lại càng khó. Chí-sĩ nước mất rồi đã khó, mà chí-sĩ nước đã mất rồi như nước Việt-Nam ta trong khoảng đầu thế-kỷ hai mươi này, lại càng khó nữa : trên thì một nước văn-minh cường-thạnh nhất trong thế giới, thì cái chính sách bảo-hộ khôn khéo chặt chĩa, ra thần vào quỷ, đè đầu chặn cổ ; trong thì đám quan đảng, chiếm cả thế lực trong nước, gốc chắc rễ bền, thành cao ao sâu, ôm chặt cái chánh-thể chuyên-chế mấy mươi đời, cày cái pháp-luật độc ác đó để ngậm độc hại người ; giữa thì bọn Hán học mục xương, bọn Âu-học đầu lười, cũ không thành cũ, mới chẳng ra mới, giơ gạc vênh sừng, chia nhà cắt ngõ, chống chọi nhau mà không sao hiệp một được ; dưới thì mười mấy triệu dân ngu, giả đui điếc câm què, mà lại ốm đau đói rách, sống say chết ngủ, ngư ngáo lao nhao, chỉ cúi tai gai trốt, nhắm mắt theo càn.*

*Một người chí-sĩ có lòng yêu nước mà ở trong hoàn-cảnh như thế, khác nào bị vây giữa trận giặc, đầy đất chông gai, tứ bề tên đạn, sức mình đã không chống nổi, mà cũng không trông mong vào đâu là người tới cứu mình ; trừ một cách thoát thân ra vòng ngoài, làm sách, làm báo để kêu vang tỉnh thức người trong nước, như ông Sào-Nam đã làm đó, hầu như không còn mớ tay vào chỗ nào được !*

*Thế mà cùi cùi một mình, xông pha trăm ngã, gây thù chác oán, ngậm đắng nuốt cay, càng ngã xuống, càng đứng*

*lên, càng bị thua, càng hăng hái, trước sau ôm một chủ-nghĩa, lẫn mình, vào cái cảnh khổ đã nói trên, mà tìm một con đường rộng cùng ông Sào-Nam chia đường đưa tới để cảm nêu chỉ lỗi cho người sau.*

*Ấy, dầu như đởm thức không đủ, nhiệt thành không tới nơi, làm sao lui mà địch với xã-hội, tới mà dẫn đường cho xã-hội, mà làm một đấng tiên thời nhân vật ít ỏi như thế?*

*Tuy là công vẫn chưa thành, chí vẫn chưa thỏa, còn đợi có người sau tiếp theo, và lại cả nước xem như kẻ cừu, trọn đời chìm trong bể khổ, mà nhờ cái chân-lý là trận chiến thẳng cuối cùng, đến lúc cái-quan <sup>1</sup> mà công luận lại càng rõ rệt, tin buồn truyền khắp nơi, đồng bào sa nước mắt ; dầu cho những kẻ bình nhật muốn đâm muốn giết, muốn làm cho đầy đọa cực khổ để hả lòng giận riêng của mình, trông thấy cảm tình quốc dân đối với một người chí-sĩ, sùng bái hình hươu không thể nào ngăn được, cũng phải động vía mà rùng mình, không biết tại có gì vậy !*

*Than ôi ! Không phải hào-kiệt mà được thế ru ! Thì Phan Tây-Hồ tiên-sinh ta, chính một người như thế.*

*Vậy tóm cả sự tích một đời tiên-sinh, chia mấy thời-kỳ làm một quyển sử, trước biểu bạch tâm sự một người đại chí-sĩ, sau cũng để làm gương cho người sau, ấy cũng là nghĩa-vụ một người học giả đối với quốc dân mà phải gắng vậy.*

**Thạnh-Bình, tháng 6 năm 1926.**  
**Mính-Viên HUỖNH-THÚC-KHÁNG**

## **PHAN-TÂY-HỒ TIÊN-SINH NIÊN-BIỂU-ĐỒ**

- 1872 (Nhâm-Thân) : 1 tuổi.
- 1881 (Tân-Mão) : 10 tuổi đi học mãi 4 năm.
- 1885 (Ất-Dậu) : 14 tuổi, Hàm-Nghi nguyên niên, Kinh thành thất thủ. Bỏ học ở núi hai năm.
- 1887 (Đinh-Hợi) : 16 tuổi ở núi về nhà.
- 1888 (Mậu-Tý) : 17 tuổi bắt đầu học lại ; học ở nhà với ông Bùi-Giám 4 năm.
- 1892 (Nhâm-Thìn) : 21 tuổi học trường ông Cử An-Tráng ; giao Minh-Viên.
- 1893 (Quý-Tỵ) : 22 tuổi học với ông Huấn Lộc Sơn tại Cẩm-Y một năm.
- 1894 (Giáp-Ngọ) : 23 tuổi thi khoa đầu, hồng trường nhì (Trung-Nhật chiến tranh).
- 1895 (Ất-Mùi) : 24 tuổi học với quan Giáo Lượng Sơn tại phủ Thăng, lại học cụ Huấn Lộc-Sơn ở Phú-Lâm.
- 1896 (Bính-Thân) : 25 tuổi học với ông Nghè Xuân-Đài ở phủ Thăng.
- 1897 (Đinh-Dậu) : 26 tuổi đi thi hồng trường ba rồi ở nhà.
- 1898 (Mậu-Tuất) : 27 tuổi học với cụ Đốc Trần-Mã-Sơn ; giao Thai-Xuyên.
- 1899 (Kỷ-Hợi) : 28 tuổi bổ vào học sinh trường Tỉnh.

- 1900 (Canh-Tý) : 29 tuổi đỗ cử nhân (Trung-quốc liên-binh nhập Bắc-kinh).
- 1901 (Tân-Sửu) : 30 tuổi đỗ Phó-Bảng.
- 1902 (Nhâm-Dần) : 31 tuổi ở nhà, vì ông anh cả mất.
- 1903 (Quý-Mão) : 32 tuổi bổ làm Thừa-biện Bộ Lễ ở Kinh ; học tân học.
- 1904 (Giáp-Thìn) : 33 tuổi (Nhật – Nga chiến-tranh) giao Sào-Nam cùng Thành-Mỹ (Tiểu-La).
- 1905 (Ất-Tỵ) : 34 tuổi Nam du, làm bài phú « Danh sơn lương ngọc ».
- 1906 (Bính-Ngọ) : 35 tuổi Bắc du tới đồn Đề Thám, sang Tàu, Nhật rồi về gửi thơ Pháp chính-phủ.
- 1907 (Đinh-Mùi) : 36 tuổi ra Hà-thành diễn thuyết ở Đông-kinh Nghĩa-thục (Duy-Tân nguyên-niên).
- 1908 (Mậu-Thân) : 37 tuổi, Trung-kỳ dân biển, đày ra Côn-Lôn 3 năm.
- 1911 (Tân-Hợi) : 40 tuổi tha về Saigon rồi đi Tây, gửi thư cho Hội nhân-quyền.
- 1912 (Nhâm-Tý) : 41 tuổi ở Pháp, tại Kinh thành Paris cho đến năm 1925.
- 1914 (Giáp-Dần) : 43 tuổi bị giam 9 tháng ở ngục Santé (Paris).
- 1916 (Bính-Thìn) : 45 tuổi, Khải-Định nguyên niên.
- 1922 (Nhâm-Tuất) : 51 tuổi gửi thư cho ông Vua Khải-Định.

- 1925 (Ất-Sửu) : 54 tuổi về nước diễn thuyết tại Hội Thanh-niên (Saigon).

- 1926 (Bính-Dần) : 55 tuổi, lúc 8 giờ tối ngày 24 tháng 3, mất tại số 54 đường Pellerin Saigon.

## **I. GIA-THỂ BUỔI NHỎ CÙNG THỜI-KỲ HỌC CỬ-NGHIỆP (Từ nhỏ đến 30 tuổi)**

Tiên-sinh họ Phan, tên Châu-Trinh, tự Tử-Cán, hiệu Tây-Hồ, biệt hiệu Hy-Mã, quê ở làng Tây-Lộc, huyện Tiên-Phước, phủ Tam-Kỳ (trước là huyện Hà-Đông, phủ Thăng-Bình), thuộc tỉnh Quảng-Nam (nay xã Phước-Long, Quận Tiên-Phước). Gia thế là một nhà vọng-tộc trong huyện.

Ông bà tổ (người ta gọi là ông Điền, bà Điền), nhà giàu mà tánh hào, thường hay giúp kẻ nghèo khó, có tiếng nhân đức, xa gần đều biết. Ông thân-sinh tên là Bình, học trò thi, quyền Bá-hộ, làm Quản-Cơ Sơn-phòng, tán tài kiết khách, thanh gươm yên ngựa, có chí muốn lập công danh. Mẹ họ Lê, con nhà danh tộc làng Phú-Lâm, có đức hiền lành, sinh ba người con trai, lớn Phan-Văn-Cư, thứ Phan-Văn Uyển, tiên-sinh là con thứ ba, sinh năm 1872 (Tự-Đức Nhâm-Thân).

Tiên-sinh buổi nhỏ mất mẹ, đang thời-kỳ ấu-học, gặp khoảng nhà nước nhiều việc ; Nam-kỳ đã cắt làm nhượng-địa, Bắc-kỳ cũng mở làm phụ-đầu, mà trong xứ, vùng Hàn-Hải, Trà-Sơn, hàng ngày thường nghe tiếng súng (dân gian có câu ca dao rằng : « Tai nghe tiếng nổ cái đùng, tàu Tây đã đến vũng thùng anh ơi ! ») Trên Triều-đình thì nội chánh lồi thối, ngoại-giao rắc rối, đánh đã không xong, hòa cũng không được, kể đã cùng rồi ; tiếp đến nạn năm Ất-Dậu (1885). Kinh-thành Huế thất thủ, Vua Hàm-Nghi phải chạy trốn, mà việc nước hỏng cả, không còn chuyện gì nói được nữa. Tiên-sinh nhỏ mà thông-minh, ông Cụ đi đâu thường

hay đem theo. Lúc đó hội Cần-vương khắp cả trong nước, mà ông Cụ cũng người trong hội ấy, thường ở Đồn kim-khoáng A-Bá (ở miền nguồn huyện Tiên-Phước), tiên-sinh mới 14 tuổi, bỏ học đi theo, thường đi săn bắn trong núi, tập việc cung mã.

Năm 1887 (Đồng-Khánh Đinh-Hợi), ông Cụ bị nạn, hội Cần vương trong tỉnh cũng tan, tiên-sinh mới về nhà thì đã 16 tuổi rồi. Huyết-thống di-truyền cùng gia-đình giáo-dục, đã nắn sẵn một cái đặc tính vì nước quên nhà từ lúc nhỏ.

Cái học khoa-cử ở nước ta, đã thành ra không khí cha dạy con, thầy bảo trò, anh em bạn khuyên nhau, gần như trong đời không có việc thứ hai nữa ; cho đến nỗi nhà nước suy mòn, giống nòi tan tác, mà sĩ-phu trong nước cứ say mê trong vực ấy mà không tỉnh dậy. Tập tục xoay người, dầu cho người hiền-hào cũng không tránh khỏi. Ở trong không khí như vậy, ít nhiều sao cũng có lụy, tiên-sinh chất đã thông minh, chí lại sâu sắc, hạ xuống mà làm nghề ấy, tuy tuổi lớn mới học, mà học ít hiểu nhiều, đọc sách có con mắt riêng, làm văn tạo xuất cách mới, không làm những lối tìm câu lặt chữ, vẽ bóng pha màu như bọn văn-sĩ xằng.

(Tiên-sinh thích học sách Luận-ngữ, Mạnh-tử, cùng các món Sử, Kinh-Thi, Thơ, Xuân-Thu có xem đến, còn kinh khác thì không thèm để mắt vào). Bất kỳ đề-mục gì, vào đến tay tiên-sinh thì sao cũng mở ra một lối mới để tỏ ý bi-ca khảng-khái của mình, cử-nghịệp là một nghề thừa đó thôi, song cũng cách xa bọn « học con sáo » nọ xa lắm.

Từ khi ở núi về, nhà cửa cháy nát, chẳng còn chút gì. Người anh cả sửa sang chỉnh đốn, rước thầy về nhà cho tiên-sinh bắt đầu học lại. Học trong nhà hơn bốn năm (thầy dạy đầu tiên là Bùi-Giám, một người túc-nho trong làng) mới ra du học các nơi (Trường ông Cử An-Tráng, ông Huấn Lộc-Sơn, ông Giáo Lương-Sơn, ông Nghè Xuân-Đài, xem ở niên-biểu). Tới đâu nổi tiếng đó, những kẻ thức-giả ai cũng cho là một tay hào-kiệt. Năm 1899 Kỷ-Hợi, cụ Đốc Trần Mã-Sơn bổ vào Học sinh ở trong tỉnh ; năm 1900 (Canh-Tý) đỗ Cử-nhân thứ ba ; năm 1901 Tân-Sửu đỗ Phó-bảng, lúc đó tiên-sinh đúng 30 tuổi.



## **II. LÀM BỘ-THUỘC Ở KINH CÙNG THỜI-KỲ TÂN-HỌC DU NHẬP (Từ 30 tuổi đến 33 tuổi)**

Chính-thể chuyên-chế tầng tầng đè nén nhau, nên trong quan-trường đặt ra vô số giai-cấp. Kinh-đô Huế chính một nơi thể lực to lớn trong đám quan-trường, nên bọn cầu danh cầu lợi, thường phải sa chún tại đó. Cái mục đích có một không hai của bọn đó là : Khéo chịu quan trên cho đặt danh dự, chức ngày thăng trật đặt làm quan to. Vì thế nên những người ngày nay vênh đốc ngời cao, an nhiên chịu người ta đùa hót mình mà không lấy làm lạ đó, đó tức là những người ngày trước đã từng lòn gỏi cúi đầu đùa hót người ta mà không biết xấu vậy. Một thói giả dối tập lâu thành quen, trừ ra chuyện làm quan và lo làm quan, không còn có việc gì nữa. Thỉnh thoảng cũng có một đôi người đang lúc ban đầu, còn biết quý sĩ, mà vào trong ít lâu, lòng hoạn đặc hoạn thất, nước sữa hòa lẫn nhau, những tính khí gốc ngày trước hóa ra tròn cả ! Cho nên Kinh-đô chính là một cái lò lớn, đúc ra tính-chất thứ hai người ta đó, thế mà không lấy điều đó mà luật Phan tiên-sinh được.

Lệ thường, đỗ đại khoa ra Kinh, bắt đầu đã bổ Viện Hàn (Hàn-Lâm, Biên-Tu, Kiềm Thảo, Trước-Tác, v.v...) làm thuộc viên trong các bộ đặt học tập chính-sự, hoặc một năm, hoặc hai năm chẳng hạn, rồi bổ ra làm Tri-phủ, Tri-huyện, v.v... Một anh học trò nhà quê được một thanh chức như thế, thanh giá biết chừng nào !

« Việc quan đã thông thả, không chức trách gì, mà lợi bổng đến tháng thì cấp, trật đủ năm tháng, cái hạnh phúc cao xa tứ mã, vinh thân phì gia ngày sau đã thấy rõ tới trước mặt. Ai được cái địa vị như thế, mà không lo hai tay ôm chặt, sợ rủi ro mà sẩy đi lom khom nhòm nhém cho qua ngày, khăn áo cho đẹp, da mặt cho trơn, ngực đeo thẻ bài ngà, chun mang đôi giày hạ, vác mặt tự đắc mà khoe với người ta rằng : « Cự lớn yêu tôi ! Cự lớn yêu tôi ! » Thứ Hàn-lâm chúng ta thuở nay chỉ trà cho ngon là đủ việc nước quách thầy, can chi mình mà nói cho mệt ! »

Ấy, thói thường liêu-thuộc ở Kinh như thế. Song tiên-sinh thì khác hẳn :

Đầu hết phải sang trường Quốc-học, học chữ tây với bạn đồng bang, tiên-sinh lấy cỡ lớn tuổi, không chịu học, quan Đốc trả về bên Bộ, mới bổ chức Thừa-Biện Bộ Lễ. Lúc đầu tiên-sinh cũng vào ra với bọn liêu thuộc, nghĩ rằng chắc có công việc hằng ngày phải làm ; ít lâu biết rằng không có việc gì, chẳng qua là đường tắt núi Chung-Nam<sup>2</sup> ở giữa chốn Kinh-đô, không lấy gì làm điều nữa : câu cá đánh chim, thích đâu đi đó, không khác gì lúc ở nhà thường ; có khi vài tháng không tới Bộ. Ông Thượng Bộ Lễ (Cụ Lê-Trinh) cười mà bảo người ta rằng : « Bộ tôi có một anh Thừa-biện mà cả năm tôi không thấy mặt », là lời nói thật đó !

Một người thích thảnh như tiên-sinh, mà lọt vào trong một đám bó buộc như vậy, những điều tiếp xúc đã không chịu được, gia dĩ mắt thấy cuộc đời lòng lo việc nước, thường sinh lòng bức tức, thỉnh thoảng lại thổ lộ ra bề

ngoài, người ta cười rằng : « Việc Triều-đình thì đã có Công-hầu Khanh-tướng, một tên Thừa-biện nhỏ mọn mà dám cả gan nói đến việc nước, không phải là người điên hay sao ? » Tiên-sinh nghe thế, chỉ cười ngằm mà thôi, lại càng ham bàn việc đời ; đương khi giữa đám đông người, nói to la lớn, không kiêng kỵ gì, như trước mắt không có ai cả ! Những người nghe nói, nhắm mắt le lưỡi, có kẻ sợ mà lén trở đi, không dám ngồi nghe cho hết lời.

Đương khoản mấy năm đó, người nước Tàu đã trải qua một cuộc Trung-Nhật chiến tranh (1894), đã hơi tỉnh dậy, lại tiếp đến cuộc Mậu-Tuất chính biến, Canh-Tý liên binh, sách mới, báo mới xuất hiện đã tràn qua nước ta, mà ảnh hưởng nhất là sách của Khang-hữu-Vi cùng Lương-khải-Siêu, vì sách ấy nói dân-quyền tự-do, phát minh được chân tướng văn minh Âu-Tây nhiều. Tiên-sinh thường qua lại với ông Thân-trọng-Huê <sup>3</sup>, Đào-nguyên-Phổ <sup>4</sup> mượn sách ấy xem, trong lòng ham thích quên ngủ, quên ăn, từ đó trong tư tưởng đổi hẳn ra một cách mới mẻ.

Tiên-sinh dorm thức hơn người, lại giàu đường huyết tánh, từ tuổi nhỏ đi học đã để con mắt xem đời mà chứa sẵn một lòng yêu nước. Song khốn vì ở trong nhà quê, chung quanh rành những xã hội hủ bại, bình sanh được thấy, chỉ toàn một lớp tuồng đảng Cần-vương mà thôi. Nghe thấy đã hẹp hòi, lịch duyệt cũng chưa rộng, nhiều khi cảm xúc mà không bởi đâu mở mang ra, cho việc đời là không làm gì được (Thời sự vô khả vi), trong lòng uất ức thường làm ra thi văn để tỏ ý mình :

*« Thôi cũng cùng đường xem cuộc thế.  
Có đâu dư bụng chứa tuồng đời ».*

*(Chỉ hợp đáo đầu quan sự thế,  
Diệc ưng mẫn đồ trử thời nghi).*

*« Giông mây cuộc thế xoay sao được.  
Đền sách công phu trả chưa xong ».*

*(Vân lô thời tiết tri hà bổ,  
Đặng hỏa công phu vị thiếu thù).*

*« Lẽ giống da vàng đành lấp đất,  
Chán phường áo trắng lại lo trời ».*

*(Vị ưng thử địa mai huỳnh chủng,  
Kỳ nại ưu thời tận bạch y).*

*V.V...*

Ở Kinh hai năm, về học thức lịch duyệt, tiên-sinh đã tăng lên bội phần, mà đặc lực nhất có hai điều này :

**1)** Kinh đô là một nơi trung tâm điểm học thuật chính trị nước ta, mà cũng một nơi đô hội, hội hiệp cả sĩ-phu trong nước. Tiên-sinh ở đây để lòng xem xét chính giáo mình hủ bại ra thế nọ, sĩ phu mình liệt nhược ra thế kia ; cái nguồn gốc hư hỏng nước mình là tại đó. Thấy được rõ ràng, biết hẳn rằng công việc cải cách to lớn, không trông mong vào một bọn danh lợi cùng lão hủ đó được. Những điều chiêm bao lãng miếu Triều-đình ngày xưa không còn giấy dính trong óc chút nào, ấy là một.

**2)** Người Pháp sang ta đã hơn năm mươi năm, mà sĩ phu trong nước không biết Tây học là gì ; cho đến độ này

người Tàu đem học thuyết Âu-Tây dịch ra làm sách, làm báo để truyền bá mà tỉnh thức người nước. Tiên sinh được học thuyết đó như một trận gió mát thổi vào trong óc, thổi sạch cả những đám mây mù che đậy thuở nay, là hai.

Từ đó học thức tiên-sinh tấn tới một bước dài, mà tấm lòng nhiệt thành ái quốc cũng cao thêm lên mấy độ nữa. Ngày trước cho là « Thời sự vô khả vi », nay trong lòng và trước con mắt thấy rõ ràng có một đảng, mà phương châm hạ-thủ làm thế nào cũng từ đó mà nhất định.

Tiên-sinh thường nói rằng : « Cái độc chuyên-chế cùng cái hủ nhà nho ta, đã thành chứng bệnh bất trị, mà học thuyết tự-do dân quyền Âu-Tây chính là vị thuốc đắng đã chữa bệnh đó. Ngày trước người mình cứ thấy đầu trị đầu, thấy chơn trị chơn, thuốc không nhắm bệnh, nên không hiệu là phải ».

Chí hướng đã định rồi, xảy có cuộc Nga-Nhật chiến tranh (1904), phong triều giục đến tận nơi, tiên sinh không thể ngồi yên được.

### III. GIAO-THIỆP VỚI ÔNG SÀO-NAM CÙNG THỜI-KỲ ĐI DU-LỊCH (TỪ 30 tuổi đến 35 tuổi)

Cá lớn thời không dung được khe nhỏ, mà nói biển với ếch trong giếng cũng mệt mà vô ích. Tiên-sinh ở Kinh, có ý mong trong đám quan-trường, vạn nhất có người có thể bàn việc cải cách, (tiên-sinh có tỏ ý với một ông quan có danh tiếng nhất hồi đó, biết không làm gì được, bèn làm một bài « Điền xá ông Truyện » để châm chọc rồi bỏ quan đi, Ông Sào-Nam làm sách « Lưu-cầu huyết-lệ » cũng có trao cho ông quan ấy, cũng không thấy nói gì). Kịp biết không nói chuyện gì được, mới quyết chí bỏ quan đi tìm kẻ đồng-chí.

Ông Phan-bội-Châu hiệu Sào-Nam, người Nghệ-An, là một người chí-sĩ ái-quốc như tiên-sinh, độ đó cũng vào ở Huế, mượn tiếng học trường Giám đi thi Hội để tìm người đồng-chí, có làm quyển « **Lưu-cầu huyết-lệ tân-thư** », mượn tiếng Lưu-Cầu để nói việc nước mình và tỏ ý-kiến cho người trong nước.

Tiên-sinh đã nghe tiếng ông Sào-Nam, lại thấy sách ấy, cho là người hào-kiệt nóng lòng việc nước, mà kiến-thức thì chưa thoát vòng khuyển-sáo cũ. Dịp đó rồi hai người gặp nhau, nghị-luận tuy có chỗ không hiệp nhau, nhưng mà vẫn phục nhau, có cùng nhau bàn việc phế khoa-cử, lập hội thương trường học, song cũng chưa làm. Tháng Chạp năm ấy (1904), Ông Sào-Nam vào Quảng-Nam tới thăm tiên-sinh tại nhà rồi về đi Nhật-Bản (Tiên-sinh mới gặp ông Sào-

Nam, bác riết bài **Lưu-câu huyết-lệ**, cho là không hiệp thời thế cuộc đời bây giờ ; song ông Sào-Nam lúc đầu đang nóng về chủ-nghĩa bài ngoại nên cũng không chịu phục).

Năm 1905 (Kỷ-Tỵ), tháng hai, tiên-sinh cùng ông Nghè Trần-quí-Cáp đi chơi trong miền Nam, đi qua tỉnh Bình-Định, (ông Nghè Trần có quen một cậu Ấm, Kỳ-xuyên công-tử, người Nam trung, nhà ở Bình-Thuận, muốn rủ cùng đi Nam), xẩy gặp ngày Tĩnh hạch học trò, người hội hạch đông có 5, 7 trăm. Tiên-sinh nghĩ rằng cái học khoa-cử làm hại người nước ta đã lâu, ngày nay đã thành đổ bể, mà sĩ-phu ta còn chun đầu vào trong như kiến-giấc mộng mê say này, không cho một gậy ngang đầu, không thể nào thức dậy được. Bèn mượn đề mục bài thi đó, làm một bài thi, một bài phú : Thi « Chí thành thông thánh », bài Phú « Danh sơn lương ngọc », nói việc thời thế cùng tể sĩ phu mình, xen lẫn vào trong quyển học trò cho dễ truyền bá. Một tiếng sét rầm vang cả trong nước, học giới ta trong hai mươi năm nay, lấy văn-tự cổ-động để mở mang phong khí, thì bài thi, bài phú đó cũng là một bài có ảnh hưởng trong lúc đầu tiên.

Đến Phan-Thiết, có ý vào lục tỉnh, rui cảm bệnh, ở mấy tháng, cùng anh em ở đó (ông Nguyễn-trọng-Lợi, v.v...) bàn việc thương, việc học. Kế được thư anh em giục ra Bắc, tiên-sinh trở về ; ra đến Phú-Yên, được tin ông Sào-Nam sang Nhật-bản, tiên-sinh thẳng về Quảng-Nam, cùng ông Nghè Trần, ông Âm Thanh-Mỹ <sup>5</sup> bàn việc đi Bắc. Khi ấy là tháng Chạp năm 1905.

Tiên-sinh được những sách của ông Sào-Nam ở Đông gởi về, vẫn lấy làm phục, mà cũng có chỗ không bằng lòng, muốn sang Nhật-Bản cho gặp mặt ông mà thương xác một đôi chỗ. Có người hỏi mục-đích của tiên-sinh thế nào ? Tiên-sinh nói rằng : « Việc đời không thể ngồi một xó mà nói được ; huống chi thời cuộc chừ, gió mây biến đổi, trăm dạng nghìn hình, có đi tới tận nơi mới thấy rõ được ». Tiên-sinh ra Hà-nội, vào trong Nghệ, Tĩnh, thẳng ra tỉnh Lạng, vào đồn Đề-Thám. Đề-Thám là Huỳnh hoa-Thám, một người đề binh đảng Cần-vương trước, cứ hiểm chống với người Pháp hai mươi năm, chính là một tay tướng giỏi, có danh tướng nhất trong đám võ nhân nước ta. Tiên-sinh tới nói năm ba chuyện và xem ý hướng ra thế nào. Đề-Thám muốn cầm ở lại giúp việc, tiên-sinh không nhận lời, nghĩ rằng đương thời cuộc cạnh tranh này, mà nội tình ngoại thế không biết, bo bo một góc, thế nào tồn tại được ? bèn từ đi. Xuống Hải-Phòng, sang Tàu, đến Quảng-Đông gặp ông Sào-Nam cùng sang Nhật-Bản luôn, ở Đông vài tháng ước lược xem xét công việc duy-tân hiện trạng xã-hội, tình hình ngoại-giao nước Nhật-Bản một ít, cùng ông Sào-Nam bàn bạc mấy điều cốt yếu : Việc ngoài thì giao ông Sào-Nam một mình, mà nhận việc hành-động trong nước, làm những chủ-nghĩa mình, rồi từ về, ông Sào-Nam đưa đến Hương-Cảng.



## **IV. ĐI NHẬT-BẢN VỀ VÀ HÀNH-ĐỘNG TRONG NƯỚC (Từ 35 đến 37 tuổi)**

Tính cách tiên-sinh nhiều điều khác người, nhất là tinh-thần tự chủ. Không kỳ việc gì, không kỳ hạng người nào, chỉ bằng theo lương tâm mình mà phán đoán đối phó, không khi nào chịu gò mình chịu theo tình thế bề ngoài. Vì thế nên câu nói, việc làm, thường thường hay vượt ra ngoài vòng lưu tục nghĩ nghĩ, người ta lấy làm kinh hãi, dầu cho người trong đảng phái mà không phải tâm-tri cũng không mấy người thích.

Từ tin ông Sào-Nam Đông độ đồn khắp cả nước, tiếp tiên-sinh lại đi nữa ; người trong nước nhao nhao không biết làm gì, chỉ nhón chun ngóng cổ, chống con mắt trông ra ngoài, nay đồn huyễn chuyện này, mai thăm nom chuyện khác, lộn xộn cả ngày mà không lo chuyện gì cả. Thoạt nghe tiên-sinh về, kẻ nhát thì bưng tai le lưỡi, người dạn thì trợn mắt trương mày, tiếng tằm rầm lên. Cái tâm-lý người nước đối với tiên-sinh Đông độ trở về, nửa mừng nửa sợ, phần nghi ngờ, phần xai trác, không biết đâu vào đâu, thành ra một quái tượng có đủ mấy vẻ :

**1)** Đã sang Nhật-Bản, không lẽ về không ; đã về thì chắc có viện binh theo sau.

**2)** Đã trốn mà đi thì về cũng bí mật, sao lại minh minh bạch bạch, không sợ người ta nghi ? Sao to gan thế ?

**3)** Có việc gì quan hệ không thể ủy người khác được, nên về Hà-thành rồi vào Nam-kỳ, quyết không có lẽ về đất

Trung-kỳ ?

**4)** Có kẻ gởi thư cho ông Sào-Nam nói tiên-sinh về không lợi cho anh em, vì xướng chủ-nghĩa dân-chủ. Ông Sào-Nam thoát nghe tin ấy, sợ đảng trong nước không thuận nhau, gởi cho tiên-sinh một bức thư, nói việc chưa nên xướng dân-chủ vội (thư ông Sào-Nam chen phụ vào văn tập tiên-sinh).<sup>6</sup>

Tiên-sinh thấy tiền đồ quốc-dân mà sinh lo, tuyệt khẩu không nói chuyện ngoài, nghĩ rằng lấy nội tình ngoại thể và thời cuộc mà nói, ngày nay không có quốc dân nội lực, làm chi cũng không có lương kết quả được. Người mình không lo khai thông dân trí, liên lạc đoàn thể để làm cơ sở, chỉ ngồi ngó người ngoài, cái bệnh « dục tốc kiến tiểu » đó, không những không ích mà lại có hại. Không những thế, học-hội, dân-đoàn là việc cần thiết, không có không được, và nên tổ-chức đầu tiên cả ; mà theo tình thế trong nước thời ngày nay, phải phá khuyển sáo xưa, làm việc quang-minh chính đại, chứ không có thể làm chùng làm lén được. Nước Pháp là một nước để ra dân quyền cho thế-giới, làm tiền đạo cả phương Tây, nay bảo-hộ ta, đương thời cuộc ngọn triều Âu-hóa tràn khắp phương Đông, các nước mạnh lảng giềng lại có lòng dòm ngó như thế này, cứ để cho dân thuộc-địa mình đã ngu lại nghèo, chắc cũng không có lợi cho nước Pháp.

Khốn vì sĩ phu trong nước từ thuở đến nay, không có người chịu tới chính phủ Pháp, phớt gan trải dạ, chỉ trăn điều lợi lại, nên bọn quan lại an thường thủ cựu, cứ giữ thói

lợi kỷ, đem phương ngăn ngừa che đậy thành ra ngăn trở đó thôi. Nếu có người chỉ rõ cuộc nguy hiểm ra thế này, nguồn tệ hại ra thế kia, mà bàn bạc một cách lâu dài, biết đâu chính sách người Pháp không thay đổi lại ? Nghĩ thế mới làm một bản điều trần gửi ngay cho Toàn-quyền Khâm-sứ cùng các nhà báo, đại khái nói tình-trạng nguy cấp bên Đông-dương này, cùng tình tệ quan lại, làm cho tình ý hai nước không liên hiệp nhau, sau xin cải lương chính-sách Bảo-hộ. Hiện nay người ta truyền rằng « Đầu Pháp chính-phủ thư » (Bức thư gửi chính-phủ Pháp) tức là bài đó.

Từ bài ấy truyền ra, dư luận nước Pháp, biết tiên-sinh là người chí-sĩ yêu nước, hiểu thấu cuộc đời, chánh sách khai hóa thuộc địa thành ra một vấn đề quan trọng, càng nhiều người nói đến, cũng có thi hành một đôi điều như lời tiên-sinh đã nói, mà quan-trưởng Annam thì xem tiên-sinh như gai trước mắt, căm giận đến xương, vì cái màn che đậy thuở nay bị một tay iên-sinh giở toan ra ! những lớp tuồng xấu, gian tham, hủ lậu, ai ai cũng trong thấy rõ ràng, không giấu giếm được nữa ! Vì thế mà cái nạn tiên-sinh càng không thể tránh được vậy.

Tiên-sinh xướng thuyết tự trị, ông nghề Trần (Thai-Xuyên) hết lòng tán trợ (ông ấy có làm một bài « **SĨ-PHU TỰ-TRỊ LUẬN** ») mà bạn tân học cũng biểu đồng tình. Lúc tiên-sinh ở Đông về, thì học hội, thư xã, diễn-thuyết, cùng hội nông trồng quế cũng đã nhiều nơi lập, mà nhiều nhất trong tỉnh Quảng-Nam, tiên-sinh tới đâu cỏ lệ đầy. Năm 1907 (Đinh Mùi) cảm bệnh ở tỉnh hơn nửa năm, tháng bảy lại ra Hà-thành, diễn thuyết tại trường Đông-kinh nghĩa-

thực. Trường của anh em tân học ở Hà-Nội lập ra để dạy anh em học trò <sup>7</sup>, người tới nghe đông lắm. Chủ báo ĐẠI-VIỆT là ông Babut, nghe tiếng tiên-sinh, thường qua lại chơi, tiên-sinh cũng thỉnh thoảng làm một hai bài thời-sự đăng trong báo ĐẠI-VIỆT cùng báo ĐĂNG-CỔ. Bài « Hiện trạng văn-đề » truyền khắp cả nước, chính làm hồi đó. Bài ấy có câu kết luận rằng : « Không nên trông người ngoài, trông người ngoài là ngu ; không nên bạo động, bạo-động thì chắc chết ». Khoảng đó trong Nghệ, Tĩnh đã có thân-sĩ bị tình nghi mà phải bắt giam, nên trong bài ấy tiên-sinh có ý biện hộ (Bài ấy xem trong văn-tập). Ông Babut muốn mời tiên-sinh làm báo với anh ta, tiên-sinh từ, không chịu làm. (Ở Hà-nội thuở đó, trong đám quan-trường cáo với quan Bảo-hộ rằng : « Phan mỗ ở Hà-thành thường xưng học thuyết « vô quân », xin đuổi ra khỏi Hà-Nội »).

## **V. BỊ ĐÀY RA CÔN-LÔN, CÙNG THA VỀ SÀI-GÒN (Từ 37 đến 40 tuổi)**

Trong bức thư « Đầu Pháp chánh-phủ », tiên-sinh nói tình tệ quan trường rạch ròi căn kẽ, vẽ cả cái trạng-thái nhu-gian càng-ác, không một chút nào ; bọn ấy cầm bụng cắn răng, toan sao cũng trả đũa lại cho được mới chịu, mà chính tiên-sinh cũng tự biết rằng, chắc có một ngày kia mình phải vào chỗ địa ngục !

Năm 1908 (Mậu-Thân), dân Trung-kỳ nổi lên xin xâu, đầu phát từ tỉnh Quảng-Nam, rồi lan khắp cả mấy tỉnh, quan trường sẵn cừu tiên-sinh, nhân dịp này mới thừa cơ báo phục : cho rằng ngày nay dân biển là bởi bọn xướng dân-quyền mà thành ra, mà tiên-sinh chính là người xướng thủ, lại giao thông với người bội quốc là Phan-bội-Châu ! Thương với Khâm-sứ Kinh, đánh điện ra Thống-sứ Hà-Nội, bắt tiên-sinh giải về Huế, tiên-sinh không ăn mấy ngày, Khâm-sứ giao qua Hộ-thành giam, rồi lập Tòa Hội-đồng văn xử, quan Tây, quan Nam đều đủ cả, đổ tội dân biển cho tiên-sinh.

Tiên-sinh nói rằng : « Các ngài ngồi trên đầu dân, lại ăn lộc nước, mỗi ông mỗi tháng, hoặc năm trăm đồng, hoặc hai ba trăm, dưới nữa cũng một trăm tám chín chục, bổng ấy không phải máu mủ của dân sao ? Thế mà cứ ngồi yên ăn lị, không lo vì dân mở đường sinh kế, toan việc công lợi để cho cùng vô sở xuất, không biết lấy chi nộp thuế, đến rủ nhau làm hạ sách đi yêu-cầu như thế, ấy là tội tại các ngài ; các ngài không biết tội thì chớ lại đổ cho người khác sao ? »

Các quan giận lắm, muốn kết án tử hình, quan Tây không chịu. (Nghe đâu có Hội Bảo-trợ Nhân-quyền binh-vực, và cũng có một ông quan Nam không ký tên) mới giảm đáng, kêu án xử tử phát Côn-Lôn, ngộ xà bất nguyên.

Tiên-sinh về Kinh nghĩ rằng chắc chết. Đến khi giải ra cửa Đông-Nam mới hay rằng đi đày Côn-Lôn ! Có ngâm bài tuyệt cú :

*« Xiềng sắt lang tang ra cửa đông,  
Ngâm nga ngọng hát lữ còn không.  
Giống nòi mòn mỏi non sông lặng,  
Ai để Côn-Lôn ngã tấm lòng ! »*

Sau tôi gặp một người quen làm việc ở Kinh nói rằng : Án tiên-sinh có lấy câu « nô-vị » trong bài điều trần làm chứng, kết rằng : « Nô vị nhất ngữ dĩ hiển nhiên vô quân thượng chi tâm », nghĩa là một câu « nô-vị » đã rõ là không biết có vua. Nay xét trong bài ấy nói « nô vị » là chỉ cả dân cả nước, không phải chỉ vua thế mà đến kết tội được, có nực cười không !)

Cuộc dân biến năm 1908 là một vở tuồng rất hoạt động, trong lịch-sử nước ta mấy ngàn năm chưa từng có, mà cũng một vở tuồng rất bi thảm nữa. Một bầu nước yên-điềm, ngọn triều đâu tràn tới, máy động-cơ vừa nhúc nhích, dây đàn ngục đã bò lan, áo khăn ngồi đầy lao, xiềng gông đi khắp xứ ; từ đó đảo Côn-Lôn là một hòn cù-lao giữa biển, cách biệt trong đất, thuở nay người Pháp lấy làm một nơi đày tù tội, nay mới có vết chun bọn quan to quốc-sự phạm

này, mà tiên-sinh chính một người đầu tiên trong bộ sử Côn-Lôn quốc-sự tù !

Năm 1908 (Mậu-Thân) tháng Tư, đày ra Côn-Lôn, khi mới ra giam tạm ở khám trong banh (Bagne tức nhà giam tù), không bận đồ tù, không ăn cơm tù, cũng không phải làm công việc tù, mỗi ngày sớm mai và chiều ra trước hiên đi bách-bộ độ một đôi giờ, được năm bảy ngày, Tham-biện cho ra ở ngoài làng An Hải tự-do sinh-lý. Mỗi tuần lễ, ngày chủ-chật, tới nhà giấy gardien-chef trình diện một lần mà thôi, tiên-sinh học nghề đôi-mồi và đi câu đi lưới chơi cũng được thông thả.

Côn-Lôn (Poulo-Condre) là một hòn đảo ở phía đông-nam biển Sài-Gòn, tàu thủy ở Sài-Gòn đi độ 16 hay 17 giờ thì đến, trước kia thuộc tỉnh Vĩnh-Long. Từ thuộc về Pháp, lấy làm một nơi giam tù. Lục tỉnh, Bắc-Kỳ, Cao-Mên, Ai-Lao, tù án nặng thường giam tại đó ; duy Trung-Kỳ không có, vì còn thuộc chính trị hình luật Annam. Quan Cai-trị có một Tham-biện, một Kỳ-mục, một Gardien chef và lính canh tù ; có một quan Binh (quan Hai) coi hơn trăm lính tây, một sở dây-thép. Đại khái chính thể cũng vì tù tội mà đặt ra, nên hình phạt tra xét nghiêm nhặt khác trong đất nhiều lắm. Đồ dùng phần nhiều ở Sài-Gòn chở ra, mỗi tháng có hai kỳ tàu đi về. Ở đó công việc chi cũng người tù làm cả, đủ các sở, thợ mộc, thợ hồ, nuôi heo, làm ruộng, v.v... có hai tiệm buôn của người Tàu, có nhà đèn (phare), có vô-tuyến-điện, v.v... Theo trên giấy má việc quan thì đảo đó cũng như một hạt ở trong Nam-Kỳ, khác ở đó là chỉ cai-trị người tội mà thôi.

An-Hải là một làng thổ nhân hiện còn bây giờ, cũng y như người Lục Tỉnh, có Lý-dịch đủ được bảy tám nhà, thường có tù án lưu-xứ hoặc an-trí thì cho ra ở làng đó.

Một mình tiên-sinh, trăm mũi tên châu vào, song bởi thế mà quan lại oán, cũng bởi thế mà người Tây (những người có lòng bình-đẳng bác-ái) kính trọng. Tiên-sinh ở Côn-Lôn xem người Tây có một cách biệt-đãi. Ở gần hai năm, có thư ông Babut chủ báo ĐẠI-VIỆT gửi thăm và tin sẽ được tha về. Ít lâu thời Thống-đốc Sài-Gòn ra tới tận nơi tiên-sinh trọ, thăm hỏi một cách ân-cần, rồi ít lâu, giấy lại tha về. Về đến Sài-Gòn mới biết rằng Hội Nhân-quyền Bảo-trợ vì mình kêu oan, mà Thủ-tướng nước Pháp là Ông Poincaré nhận lời. Tiên-sinh ở Côn-Lôn gần ba năm, lúc về là năm 1911.

Ở Sài-gòn chính-phủ có đặt một tòa Hội-đồng, Tham-biện Mỹ-Tho, ông Couzineau, bị cử làm chủ tọa, có đủ Đề-hình, Chương-lý. Ông Couzineau đọc bài diễn-văn có câu rằng : « Thay mặt cả dân nước Pháp, trả cái tự-do lại cho ông ». Lại hỏi tiên-sinh muốn nói điều gì ? Tiên-sinh ước lược phát-biểu chính-sách liên lạc Pháp-Việt và yêu-cầu mấy điều rồi xuống ở Mỹ-Tho, (Tiên-sinh xin : 1) Ân xá bọn quốc-sự-phạm, 2) Trị tội Phạm-ngọc-Quát, vì giết ông nghè Trần-quí-Cáp là người vô tội, 3) Xin đi Tây).

Ở Mỹ-Tho tuy tiếng rằng tự-do, mà thực thì nhà nước còn có ý trông nom quản cố, tiên-sinh không bằng lòng, cho rằng đã được tha, vì là người không tội, mà lại không được tự-do hành-động, không khác chi ở tù, bèn làm thư gửi cho chính-phủ xin trở ra Côn-Lôn. Chính phủ biết tiên-sinh là người không chịu trói buộc như kẻ khác, không lấy chước



vật mà ngăn cấm được, mới nhận lời yêu-cầu cho tiên-sinh đi sang Pháp. Tháng... năm ấy đồng thuyền với ông Toàn-quyền Klobukowski đi Tây và đem con là Phan-châu-Dật sang học luôn. (Thư gửi cho Hội Nhân-quyền cùng sách Pháp-Việt liên lạc, có lẽ làm năm ấy).

## **VI. MƯỜI BỐN NĂM Ở NƯỚC PHÁP (Từ 1911 đến 1925)**

Tiên-sinh biết rằng dân nước mình chưa có tư-cách độc-lập, quyết nhân dịp phong-triều Âu-hóa này, liên lạc với người Pháp, đặt thiết hành sự cải cách trong nước, mở mang trí thức cho người mình, lại thường xem chánh sách Bảo-hộ mà có một điều lấy làm lạ : Nước Pháp là một nước dân-chủ, đề xướng nhân-đạo cho cả thế-giới, những câu bình-đẳng, bác-ái, đàn bà trẻ con cũng thường nói nơi đầu lỗ miệng, thế mà nước ta chịu ở dưới quyền bảo-hộ đã mấy mươi năm, chưa được thấy cái ảnh-hưởng học-thuyết đó chút nào. Và đương thời cục này, giông gió ồn ào, lảng giềng dòm ngó ; tiếng hoàng-họa đã reo trên các nhà báo, mà xét kỹ chánh sách thuộc-địa Pháp thì chưa tỏ ra chút gì là hành tâm khai-hóa người mình. Ấy chắc hẳn bọn quan lại qua cai-trị bên này chỉ quen thấy tình thế trước mắt mà không nghĩ xa, lại để cho dân mình ngu hèn cho dễ cai trị, nên làm thói che tai trộm lạc như thế, chứ chắc không phải toàn quốc-dân nước Pháp như thế. Dem cái hiện cuộc cùng tình tẻ bên Đông-Dương này bày tỏ với người bên Pháp đình, và tuyên-bố cho công chúng, sao cũng có người nhân nhân quân-tử, suy trước nghĩ sau, xét đến tương lai, soi khổ tâm mình, cũng biết đồng tình mà tỏ lòng liên lạc thì sẽ có cơ làm được công việc cải cách.

Định kiến như thế, nên lúc Đông độ về, gửi thư cho chính-phủ Pháp, đã có ý muốn sang Tây ; tiếp lấy việc dân biển mình lại bị tù, nhờ có hội Nhân-quyền binh vực mà ra

khỏi, tiên-sinh cho là thời cơ không bỏ qua, mà cái chí đi sang Tây như tên phát ra, không ngăn được (Tiên-sinh ở Côn-Lôn đã tỏ ý đi Tây với anh em, cũng có người giao-cổ không biểu đồng tình).

Tiên-sinh sang Pháp tại thành Paris, xem xét các ý kiến chính đảng cùng các nhà ngôn luận đối với chánh-sách Đông Dương ra thế nào ; lại đem những tình tẻ quan lại ở bên này phát bố ra để cổ động dư-luận, viết bức thư gửi cho hội Nhân-quyền, kể những việc dân biển, binh biển, cùng phương-pháp bảo-hộ đối phó ra thế nào, quan lại trong nước sinh sự tẻ đoan ra thế nào, cùng những thảm trạng trong dân gian, sĩ-phu bị lụy ra thế nào, nguồn cơn ngổ ngách, chửi tởc kể rằng, kể ra rõ ràng lắm ; lại phát biểu chánh-kiến liên-lạc Pháp-Việt của mình, cùng công việc đã làm, mà tỏ ý phản-đối với quan-lại bên này. Việc Khâm-lăng bị rào, tiên-sinh cho là vô nhân đạo, đăng trong các báo, chê mắng dữ dội, các nhà ngôn luận cũng ồn lên, quan lại bên Đông-Dương lấy làm khó chịu lắm. Lại thường cùng một đôi người học trò ta sang học bên ấy mà có tư-tưởng khá, bàn bạc việc tương-lai nước mình, v.v...

Tiên-sinh một mình ở đậu đất người, mà tiếng tăm cũng như một nước, nên kẻ yêu trọng cũng nhiều, mà người cừu-thù cũng không ít. Mấy năm mới sang, Bộ Thuộc-địa còn cấp lương, sau vì có tiên-sinh hay nói xấu quan lại Bảo-hộ, trừ đi không cấp nữa, tiên sinh không lấy làm điều, học nghề vẽ, vẽ bóng phóng đại cho người ta để nuôi mình ; có khi đau ốm, con (Dật) phải bỏ học đi làm công để nuôi, tiên

sinh vẫn xem như thường vậy, không có chút gì là phàn nàn.

Năm 1914, Âu chiến xảy ra, tiên-sinh không chịu đi lính, đảng thù cho tiên-sinh vu rằng thông với người Đức, (lấy có một cái thơ cho người nào, không biết thiệt giả), bị bắt giam tại ngục quốc-sự (Prison de Santé). Tiên-sinh ở trong ngục, phần thương phận nước bể dâu, phần xót tấm thân trôi nổi, buồn sầu chất chứa, không chỗ hờ hời, dùng tục ngữ nước nhà làm đề-mục, làm hơn hai trăm bài thi bằng quốc-âm. Trong tập thi, những bài : « Vàng thiệt sợ chi lửa », « Ăn coi nổi ngồi coi hướng » v.v... tức làm hồi đó. Bị giam chín tháng, đảng Xã-hội cùng đảng Xã-hội cấp-tiến, biết tiên-sinh là oan-khuất, xin với Thủ-tướng Poincaré lại tha một lần nữa.

Tiên-sinh vốn là kẻ cừu với chính-thể chuyên chế, vừa đọc sách Âu-Tây thì say mê những học thuyết họ Lư (J.J. Rousseau), họ Mạnh (Montesquieu). Nay ngụ ở thành Paris là danh đô một nước dân-chủ văn minh cường thịnh nhất trong thế-giới, hô hấp cái không khí tự-do đã lâu năm, đờm thức càng ngày càng cao, phách lực càng ngày càng mạnh, hễ có điều gì xúc động đến thì diễn lực trong hồn não phát sinh liền ra không thể ngăn được.

Năm 1922, Vua Khải-Định sang Tây, một đức quân-chủ chuyên chế nước nhỏ nhỏ, lại ở dưới quyền bảo-hộ một nước dân-chủ, hốt nhiên mượn thể bảo-hộ, chưng nghi vệ phí kim tiền, dắt tôi tớ vượt muôn dặm đường biển, sang cho đến một nơi danh đô nhất thế-giới, xem chơi phong cảnh, mà về việc tiền-đồ quốc-dân không quan-hệ gì, các

nhà báo nhao lên, cho việc đó là vì quyền-lợi quân-chủ riêng, hành động không được quang minh mà có hơi ám muội, đăng lên báo chương lấy làm trò cười. Tiên-sinh tức giận, lấy việc ấy nhục đến quốc thể, và là theo ý riêng một người, không phải quốc-dân đều biểu đồng tình như thế, làm một bức thư gửi thẳng tới Hành-tại <sup>8</sup>, trong có kể rõ bảy điều <sup>9</sup> trái phép, việu luật Tây, quân-chủ trái với Hiến-pháp thời quốc-dân được kể tội mà trị, v.v... Thư ấy truyền ra các báo Tây, những nhà Tây-học có tư-tưởng mới cùng bọn thanh niên, ai cũng tỏ ý hoan-nghe, mà đám quan đảng nghe nói le lưỡi, càng cừu tiên-sinh thêm nữa.

Tiên-sinh ở Pháp hơn mười bốn năm (1911 đến 1925), danh đô thẳng cảnh du-lịch đã khắp, hiền nhân quân-tử giao kết cũng nhiều (những người trong đảng Xã-hội cùng hội Nhân-quyền, quen biết cũng đông, tình thiết anh em như ông Capitaine Roux, v.v...) cho đến học thuyết các nhà danh nho, phong triều mấy đảng Xã-hội, chánh sách nhà ngoại-giao, phương châm sự thuộc-địa, đều để lòng khảo sát, thấy một cách rõ ràng.

Trông người lại ngắm đến ta, mưa gió quê người, mộng hồn nước cũ, trăm cay ngàn đắng, nếm đủ mùi cực khổ, không chút nào ngã lòng. Không những thế, cái tinh-thần tự chủ, cùng tấm lòng thương nước yêu nòi, lại càng già càng tiến lên, càng cay chua càng bền chặt. Những người bọn cừu cho tiên-sinh, tìm điều quấy rối, nào dễ dành, nào dọa nạt, nào làm cho đầy đọa thân thể, muôn phương nghìn chước cũng không làm sao được.

Tiên-sinh thường nói rằng : « Đã vì việc nước mang thân đến đây, ngoài cái xác bầy thước này, không còn cái gì nữa, khi nào đầu rơi xuống đất là việc ta xong ; sở dĩ nuôi một chút hơi này, muốn ra công giúp cho tổ-quốc một đôi việc đó thôi ».

## **VII. VỀ NƯỚC VÀ BỆNH GIÀ ( 1925-1926)**

Tiên-sinh ở nước Pháp cùng những người trong xã-hội nhân quyền có quan-hệ mật thiết, có chí muốn liên lạc thành một đảng lớn để giúp việc cải cách trong nước nhà ; rủi đâu có cuộc Âu-chiến, nước Pháp lại chính phải đương đầu, trong nước nhiều điều rắc rối, việc gì cũng đình đốn cả, còn ai nói đến chánh sách thuộc địa nữa. Thiên diên đến mấy năm trời, rút cuộc vẫn chiếm được thắng lợi mà người hao của tốn, làm ngăn trở đến cuộc tiền-đồ cũng nhiều. Trong mấy năm đó tiên-sinh ôm bụng mà rầu, không biết ngỏ cùng ai được.

Cuộc Âu chiến yên, tiên-sinh đã có lòng về nước, nghĩ rằng chắt chứa lấy lòng nhiệt huyết, đổ nơi đất người cũng vô ích, mà đem về rưới giữa non sông đất nước, họa có ảnh hưởng đến quốc-dân, có người khởi lên mà nổi theo chí mình, thì mình có nhắm mắt cũng yên được. Bèn tới Bộ Thuộc-địa tỏ ý muốn về nước. Ông quan nọ can rằng : « Quan đảng bên Đông-Dương lâu nay xem anh như gai trước mắt, muốn ăn thịt anh, anh về không phải là đem thịt đút miệng cọp sao ? »

Tiên-sinh trả lời rằng : « Miễn ngài không ra tay là được, tôi có cần gì... »

Bộ Thuộc-địa mới gửi thư về bên Đông-Dương nói ý tiên-sinh muốn về nước. Quan trưởng bên ta nghe tin ấy, như sét đánh ngang đầu, phần nghi phần sợ, cho là một cái vấn-đề to lớn nhất, ngày nào cũng mở hội mật nghị làm

phương đối phó, muốn cây quyền thế bảo hộ, kiếm cách ngăn trở không cho về (có thanh-ngôn rằng tiên-sinh về sẽ truyền-bá chủ-nghĩa cộng-sản ! v.v...)

Năm 1925, tháng... tiên-sinh về Sài-gòn, có ý muốn tịnh dưỡng ít lỗi, đi khắp nam bắc rồi mới bày bố công việc làm. (đã định dựng nhà in, nhà báo, hội nông, v.v...) song người nước tới thăm đông lắm, mà hoan nghênh nhất là đảng thanh-niên. Tiên sinh biết trong mình chưa được khỏe, và có ý yên lặng để quan sát ít lâu, mà anh em đồng bào tỏ tình ngưỡng mộ vẫn nóng nãy lắm, không thể không đáp cái thanh tình đó, cũng tỏ cho anh em biết tâm-sự mình, mới tổ chức một cuộc diễn-thuyết, nhân sĩ tới nghe đông lắm, người được nghe lấy làm hân hạnh như được một của báu, mà người được đọc bài diễn-thuyết đó cũng lấy làm hả lòng ; những đám mây mù che đậy bịt bùng mấy mươi năm, được hai trận mát mẻ thoáng qua, gần chừng xua đẩy vỡ tan, bóng sáng vùng đông rọi lại một góc trời, mà không khí một mai đổi khác hẳn. Than ôi ! Nay đọc hai bài diễn-văn của tiên-sinh, diễn tại hội Thanh-niên Sài-gòn, (bài trước nói luân-lý và đạo đức Đông-Tây ; bài sau nói Quân-trị Dân-trị...) mà bộ máy thần kinh không động đậy, sức điểm trong gan óc không phát mạnh ra, có phải dân Việt-Nam đâu ? có phải là dân thanh-niên Việt-Nam đâu ? Nào ai biết hai bài diễn văn đó là hai bài tuyệt bút của tiên-sinh, cũng là bài di chúc của tiên-sinh dặn cho anh em ta lần cuối cùng ! Đau đớn biết chừng nào ! Đáng thương tiếc biết chừng nào !



Tiên-sinh về được vài tháng, ông Sào-Nam cũng bị bắt, được tha về ở Huế, tiên-sinh có ý muốn gặp nhau bàn chuyện, nhưng mà chưa gặp.

Tiên-sinh về Sài-gòn, tai mắt ai cũng châu vào, bọn cừu thù cũng theo dòm ngó, anh em cũng có bụng ngại, thế mà tiên-sinh ứng tiếp hằng ngày, đi chơi khắp chốn, không có chút ngại gì.

Lúc ở bên Pháp được thư nhà, tiên-sinh có nói rằng : « Ta không biết nhà là gì ». Nay về nước, con gái và rể tới ở hầu hạ được ít tháng tiên-sinh cũng bảo về.

Tiên-sinh trước có bệnh đau phổi, nằm nhà thương uống thuốc tây không lành, về đi hứng mát ở Ô-Cấp tiếp bị bệnh đơn nhiệt rồi phát ra cả lợi cả thủng, anh em trong Nam-kỳ hết lòng điều hộ mà cũng không hiệu. Bệnh đã liệt giường, mình như cây củi mà tinh-thần vẫn thanh sáng, không có chút nào là than van yếu lướt như người ta. Trước ngày tắt hơi, anh em tới thăm còn nghe bàn việc nước !

Tiên-sinh sanh năm 1872 (Nhâm-Thân) đến năm 1926, ngày 24 tháng 3 Dương-lịch, hồi 9 giờ tối thì mất ở khách-quán số 54 đường Pellerin Sài-Gòn.

Tin buồn truyền khắp nơi, cả nước sa nước mắt, anh em (nhất là trong Nam-Kỳ) đặt ban hội-đồng trị-sự để coi sóc việc tang, hòm liệm theo một cách trọng thể, phó cáo cả các nơi, trên từ hội học hăng buôn, dưới đến phu xe bồi bếp đều đến phúng điếu, để tang, hoặc gởi thư đánh dây thép chia buồn. Người Tây, người Miên, người Chàm cũng có tới điếu ; còn các nơi đô hội cũng nhiều chỗ làm lễ truy-diệu

nữa. Ngày 4 tháng 4, táng tại nghĩa-địa Gò-Công ở làng Tân-sơn-Nhút, tỉnh Gia-Định.

Phu-nhân họ Lê, người làng An-Sơn, con nhà vọng-tộc, có đức hiền lành. Lúc tiên-sinh ở Côn-Lôn về Mỹ-Tho có vào thăm, ở năm mươi ngày rồi về, bị bệnh mất. Con trai là Dật, đi với tiên-sinh sang Tây-học, rui có bệnh, tiên-sinh cho về trước, đặng mấy tháng, mất tại nhà thương Huế. Hiện hai người con gái, lớn Á-Liên, gả cho ông Lê-Ấm người huyện Quế-Sơn, làng Gia-Cát, đang làm Đốc-học trường Quốc-tử-Giám ; thứ Á-Lan, gả cho Nguyễn-đồng-Hội, người Phủ Điện-bàn, làng La-Kham, đang làm Tham-tá (Agent-technique), anh em định lập nhà tự mua tự-điền cấp cho cháu (kêu bằng chú) phụng tự. <sup>10</sup>

## **BÀI KẾT-LUẬN**

Người xưa có nói, « Cái quan luận định », lại nói « Một người học trò mà để lòng lo giúp người tức là công nghiệp » (nhất mệnh chi sĩ, cầu tồn tâm ư tế vật tiện công nghiệp). Than ôi ! Như tiên-sinh, không những là một người chí-sĩ yêu nước mà thôi, mà thật là một nhà chính-trị cách-mạng đầu tiên nước Việt-nam ta vậy. Một anh học trò vai gánh giang sơn, lòng thương nòi giống, một mình xông đột trăm cách toan lường, trong hai mươi năm thừa, trải biết bao hiểm nghèo, nếm biết bao mùi cay đắng, những kẻ ngày trước có bị ngã dúi đi, có kẻ tháo đường mà đi ngõ khác, lại có kẻ thay lời đổi mặt, đành chịu người mắng chửi, quay đầu trở lại để tìm lợi riêng một mình, quên cả mặt mũi ngày trước, thế mà tiên-sinh cứ khăng khăng ôm một cái chủ-nghĩa, đeo đẳng mãi với cảnh hoạn nạn mà không chịu rời ra ; không những danh vị lợi lộc, không dễ dành được, cực khổ không đổi dời được ; cho đến gươm kề trên cổ, súng chỉ trước bụng cũng không chút nào lay chuyển, sánh với ông Sào-Nam, chí khí đồng nhau, nhiệt thành đồng nhau, phách lực đồng nhau, mà cái cảnh càng khó, cái lòng càng khổ hơn vậy.

Ấy, tâm sự đó, thần quỷ cũng soi, đá vàng cũng thấu. Vậy cho nên một câu nói, một việc làm, đều có ảnh hưởng đến quốc-dân, không những các bậc bình-đẳng bác-ái nước văn-minh đều làm đồng điều, mà những nhà đại chính-trị, đại quân lữ, đại ngoại giao, đại trình thám, đại ngôn-luận, cũng đều châu mắt vào mà dòm vậy. Than ôi ! Như thế

cũng đã hào vậỵ. Anh hùng hào kiệt há phải tự đời mình  
thấy được thành công mà sau mới ra làm việc đời hay sao ?

## TỔNG ÁN

Nhân cách tiên-sinh, học thức cao, tài trí đủ, tính chất bền, ngôn luận giỏi, ai cũng biết cả ; đến cái chỗ trước sau ôm một cái chủ-nghĩa, cùng thủ-đoạn và hành-vi, để cho được đạt cái mục đích đó, con mắt thật tinh, đờm lực thật định, mở cuộc thật rộng, mà ứng cơ thật lanh ; tuy công cuộc chưa thành, người ta không thấy rõ kết quả ra thế nào, song xét kỹ trước sau, thì rõ ràng có một đường như tơ tằm, vết ngựa, có cơ quan có tăng thứ, khi trời khi sục, khi trống khi kín, biến động mãi mà không rời cái chủ-nghĩa ra ; và lại càng tới càng tấn lên, mà đầu đuôi vẫn chiếu ứng nhau.

Tiền-đồ nước ta, tiên-sinh cho dân mình vì chánh thể chuyên chế đè nén bó buộc đã mấy mươi đời, thành cái tánh chất thứ hai, không biết nước là gì, cách với tư-cách độc-lập còn xa lắm.

Nếu cái độc chuyên chế không trừ đi, thì học văn minh không vào được ; mà muốn trừ độc đó, chỉ có xướng học thuyết dân-quyền thôi. Song nhân quyền không phải tự nhiên đến được, phải khai phong dân khí để mở mang trí thức, liên lạc đoàn thể làm cơ sở tự trị ngày sau. Người Pháp qua đây đương thời cuộc ngọn triều Âu-hóa tràn khắp phương Đông này, có lẽ đâu xem người mình như cây đá được ? Bây giờ ngược dòng nước mà kéo lại, sao bằng thuận dòng mà đem đi, thật hành cải cách để giục dân mình lên đường tấn hóa. Dân trí đã mở rồi, việc khác mới có thể làm được. Định kiến như thế, toan cùng một hai người đồng chí

bàn bạc cách làm. Ở Kinh ít lâu có ý mong trong đám quan trường ; kịp biết không làm gì được, quyết bỏ quan đi tìm kẻ đồng chí. Xảy gặp ông Sào-Nam xướng thuyết bài ngoại, cả nước xua theo (thuyết bài ngoại rõ ràng mà dễ hiểu, lại là thói quen trong lịch-sử, nên người ta ưa thích nhiều. Thuyết dân-quyền tự trị mới mẻ, ít người hiểu, và trong lịch-sử thuở nay không từng thấy, lại hay xúc phạm đến quan trường, nên nhiều người không ưa, không ai hỏi đến, chỉ có một hai người có tư tưởng tân học cho hiệp thời mà thôi. Trong bản sách Liên-lạc Pháp-Việt, tiên-sinh nói rõ ràng lắm). Tiên sinh biết ông Sào-Nam là tay hào-kiệt, muốn dung hiệp nhau mà không muốn phản-kháng nhau, thẳng qua Nhật-bản cho giáp mặt mà bàn bạc mấy điều yếu kiến, và nói rõ ông Sào-Nam biết công việc mình sẽ hành động trong nước.

Ở Đông về, gửi thư cho Chánh-phủ Pháp mà phản đối với quan lại An-nam, nghĩ rằng chánh-phủ bảo-hộ có thể thiết hành cải cách cho nước mình chẳng ? Đến lúc đi Tây, biết quan lại cai trị bên này không có thành tâm cải cách, nên tỏ ý kiến sang bên Pháp-đình, có ý liên-lạc người Pháp, người Nam đặt làm việc cải cách. Rủi đâu cuộc Âu-chiến xảy ra, lòi thôi đến mấy năm, trăm việc cũng phải đình đốn cả, ai còn nói đến chánh sách bảo-hộ ! mà chính thân tiên-sinh cũng vì việc đó mà bị khốn nạn cực khổ. Trong mấy năm đó, người Tây, người Nam hầu như quên tiên-sinh là người thế nào, mà chủ-nghĩa tiên-sinh hình như đã chìm đáy biển, mây tan giữa khoảng không, nước cũ vẫn vờ hồn,

thân già ngơ ngẩn bóng, chỉ có một cái chết để tỏ tâm sự mình là xong, buồn bực biết chừng nào !

Cuộc Âu-chiến vừa lắng, tiên-sinh đã có lòng về nước, nhắm nhía thời cơ, ngồi buồn nóng ruột, thoát đường trong lúc tịch mịch vô liêu, trời kéo đưa giả như tây đến, giúp cho tiên-sinh một cái đề mục, làm cho cái chủ-nghĩa mình sống lại ; trong cuộc cờ bí nước, thoát được một nước cờ tiên, tiên-sinh biết thời cơ không bỏ qua được, đứng dậy la to, từ đó người Tây người Nam, trong con mắt lại thấy có tiên-sinh. Bạn Âu-học thiếu-niên lại tỏ ý hoan nghênh. Cái chủ-nghĩa bình sinh (xướng-minh dân quyền, đả phá chuyên chế), đã gần chìm dưới vực sâu, chỉ một vọt mà lên tận trời xanh, ai ai cũng trông thấy rõ cả. Tiên-sinh từ đó có thể về nước cùng anh em đồng bào mở mặt bắt tay. Hai bài diễn thuyết tại hội Thanh-niên Sài-Gòn, chẳng qua là đem tâm sự bình sinh cùng cái chủ-nghĩa mà mình đã đeo đuổi hơn hai mươi năm nay bày tỏ cho quốc-dân rõ thôi ; song thiếu cũng không được, là vì có hai bài kiết luận đó mà công việc ngày trước trèo non vượt bể, tay viết miệng van, vào quĩ ra thần, đông xông tây đột, đều có một vài thật địa ăn làm, không phải đi không chạy quấy vậy.

Than ôi ! công tuy chưa thành, mà trong cuộc sóng gió nhẩy trời, chông gai đầy đất, trăm gay nghìn khó như thế, hy sinh cả thầy, chỉ đem một mình mà mở con đường cho đồng-bào ta sau này, thật là một người đại ân-nhân ta vậy !

Tiên-sinh trước thuật nhiều lắm, đều có cảo-bản, có lẽ nên in thành bản riêng, chia ra từng loại cho tiện truyền-bá, còn dật-sự xin phụ theo sau này.

# **CÁC BẢN CẢO DO TIÊN-SINH TRƯỚC THUẬT**

(Trước thuật rất nhiều, phải in riêng ra, đây chỉ nêu cái mục cho đồng nhân xem).

- 1) Đầu Pháp chính-phủ thư.
- 2) Ký nhân-quyền hội thư.
- 3) Pháp-Việt liên hiệp hậu chi tân Việt-Nam.
- 4) Cuộc ngoại nhân kim nhật chi Trung-Quốc quan.
- 5) Tỉnh quốc hồn ca.
- 6) Thanh-niên hội nghị phiên diễn-thuyết, và diễn-thuyết ở bên Tây.
- 7) Ký Khải-Định Hoàng-đế thư. <sup>11</sup>
- 8) Hán-văn thi 50 bài.
- 9) Quốc-âm thi 200 bài.
- 10) Tạp trước.



## **PHAN TÂY-HỒ TIÊN-SINH DẬT SỰ**

Dân nước văn-minh có một cái tâm lý sâu xa, khác hẳn những dân nước hèn, là đối với một người ái-quốc, không những tượng đồng bia đá, sử truyền kỷ niệm, phiến biểu cái công-nghiệp, cái danh-dự của người ấy, mà cho đến một nét bút, một câu thơ, một tấm ảnh lu, một tờ giấy rách, cũng trân trọng gìn giữ như một vật quý báu nhất trong thế giới, để mà tỏ ý sùng bái người danh nhân. Xem thế thì biết quốc dân có cái đặc tánh sùng bái người ái-quốc, mà sau người ái-quốc mới xuất hiện ; nước mạnh dân khôn, nguyên nhân cũng nhiều, mà cái tâm lý ấy là một cái quan hệ to tát vậy.

Nước Nam ở đầu thế-kỷ hai mươi này, chìm dưới vực sâu nòi giống tiêu mòn, non sông vắng vẻ, tự người ngoài xem vào thì cho là không còn có anh hùng nào ; song tự trong nước mà xem thì không gọi là không có được. Từ nay về sau không biết có xuất hiện ra được người nào, chứ đây trở lên, trong khoảng hai mươi năm nay, ngoài ông Sào-Nam ra, thì Phan-Tây-Hồ tiên-sinh thật là một người quan hệ, không có không được, mà đáng cho là anh hùng.

Lịch-sử tiên-sinh xuất bản đã nhiều, duy có bình sinh dật sự, nhiều điều có giá trị, đủ làm gương cho người sau, không phải người thân thiết thì không ai biết. Vậy lấy theo tâm-lý quốc-dân nói trên, lật ghi từng tập phụ theo truyện này, cống hiến cho đồng bào ta xem, tưởng cũng nhiều người hoan-ngheh lắm. Vì một đời người anh hùng, bất kỳ điều gì, cũng có vẻ khác người tầm thường :

**1)** Tiên-sinh nhỏ côì mẹ, trên mười mấy tuổi lại côì cha, anh lớn là Phan-văn-Cư, tài đương chính đốn việc nhà, thờ anh như cha, chị dâu như mẹ. Cho đến ba mươi tuổi đầu, thân đẳng khoa-giáp, mà trong gia đình không có việc gì không hỏi đến anh chị. Nhà có bà Thứ-mẫu, thường cùng bà chị dâu có chuyện rầy, hai đảng không chịu thua, được tiên-sinh một lời nói, tức thì hòa thuận nhau như không.

**2)** Tánh hay vì người ta gỡ chuyện rối rắm, có cái thói như sách sĩ đời Chiển-quốc : anh em có điều gì khốn nạn không phân giải được, tiên-sinh tới phân giải một đôi câu thì yên ngay. Nhiều khi người ta biện chiết trăm ngàn câu, mà không rõ rạch được, thì sao cũng mời tiên-sinh, tiên-sinh mới nhân tình lý, lời lẽ rõ ràng, nên đàn bà trẻ con ai cũng hiểu mà thích nghe nữa.

Tiên-sinh thích xem tiểu-thuyết Liêu-trai, Thủy-hử, Hải-đặc, Tây-du, Kỳ-quan tình sự (đều sách tiểu-thuyết xưa), cho đến tiểu-thuyết mới, nhiều thứ thuộc lòng, mà kể chuyện lại hay lắm. Đồng một chuyện đó, người ta kể thì ngồi mà buồn ngủ, không muốn nghe chút nào ; đến tiên-sinh kể thì có đầu đuôi, có tăng thứ, có hứng thú, ai ai cũng thích, như xem một lớp tuồng hay. Vì thế nên trên từ văn bằng học hữu, dưới đến bồi bếp phu xe, đều cho tiên-sinh là ông vui chuyện.

**3)** Tiên-sinh có tính không chịu khuất, không kỳ người bậc nào, lấy đều trái lẽ mà gạt mình thì cự lại ngay, dầu cho kẻ quyền thế cũng vậy. Lệ thường học trò với quan Huấn, quan Giáo (Huấn đạo, Giáo-thọ là quan dạy trong một huyện, một phủ, quan đặt ra có quyền xá học trò trong lúc

khoa hạch) không kỳ mình có học hoặc không có học với quan đó, đến kỳ mồng năm, ngày Tết, phải có lễ thúc-tu<sup>12</sup> tới làm lễ tết thầy. Một ngày nọ tiên-sinh cùng hai người bạn, bưng một mâm gạo, trên đặt ba quan tiền, tới trường xin vào yết kiến quan Huấn Ngô... tên hầu cửa quan xem thấy, liếc mắt ngó một cái, rồi đi vào, (có ý ghét lễ ít, khác những học trò khác, thường thường đến kỳ khoa hạch là mùa của quan Huấn, quan Giáo, học trò không những tết nhứt hậu lễ mà thôi, lại còn lo lót nữa, vì muốn lấy cho mình đỗ, học dốt mà lễ nhiều cũng đỗ được. Ấy thôi thầy dậy cùng học trò nước ta, đến bây giờ vẫn còn, chán chưa !!) gõ cửa không thấy ra, tiên-sinh gõ cửa đại, làm như chường muốn xô mà vào, tên hầu ra ngăn trở rằng quan có khách, và la lớn rằng : « Trò này vô lễ ! » Tiên-sinh giả làm đụng tên hầu một cái, sẩy tay đổ mâm gạo, lật tiền đi về. Quan Huấn nghe tên hầu bẩm, giận lắm, tư giấy vào huyện xin quan huyện bắt tiên-sinh trị tội (anh huyện lúc đó là Hồ... một tay ác có tiếng, thường bắt người vô tội giam phạt ăn tiền mới tha). Huyện nọ nghe lời quan Huấn, hạ trát cho sai nha tới bắt tiên-sinh. Ai thấy vậy cũng chắc rằng sẽ bị nhục. Tiên-sinh tự nhiên ra đi, đem đồ câu theo, đến cầu cống làng Chiên-Đàn (là làng sở tại trường Huấn, đường đi vào Huyện phải đi ngang qua), bảo người bạn rằng : « Chiều nay tôi lại câu tại cống đây ».

Đến Huyện, anh Huyện ta tác sắc lập nghiêm, nạt rằng : « Sao anh là học trò mà lại vô lễ với thầy anh ? » Tiên-sinh nói học trò đã bưng lễ thúc-tu đến xin yết thầy sao gọi là vô lễ ? cứ không cho vào và xô đẩy mắng nhiếc, làm ra sự bất

lich-sự, là tại tên hầu ; không trị tên hầu đó, mà phiên nộ tới học trò, lại làm phiền đến quan lớn, phải hạ trát văn, phải sai dịch đi tới làng tận nhà, bắt một anh học trò như nã một tên bợm. Ấy thầy tôi đã tự xử chỗ vô lễ rồi, quan lớn không cần hỏi kỹ nữa.

Anh Huyện thấy tiên-sinh nói ngay lý thẳng, và xem khí sắc cũng coi vững vàng, không thể lấy đều phi lý mà dọa được. Phát lạc qua loa cho rồi chuyện. Chiều hôm ấy, tiên-sinh hản về câu cổng Chiên-Đàn. Người ta hỏi sao, chắc anh Huyện không làm đều nhục mà giam phạt (giam phạt là một sự chắc phải chịu, không luận việc gì, tới cửa nha thì thế, nực cười chưa !) Tiên-sinh nói rằng : « Hồ là một tay lão hoặc rành việc lại, lấy một ông huyện trị một anh học trò, hơn không ai khen, nếu thua hoặc có xảy ra việc gì, thì mang tiếng, hưởng việc này xuất tự ý riêng anh Huấn, cậ thế dọa bậy đó thôi ; ma bắt coi mặt người, tên Hồ gian hùng có chịu ra tay làm những việc đó đâu ! »

Anh Huấn ta vì việc đó, căm giận lắm, sau đến khi hạch thi, bọn môn hạ (mấy tên học dốt đua hót) lại thúc anh ta, anh thảo một tờ tư với quan Đốc-học tỉnh, cùng quan Tỉnh rằng, tên Phan vô hạnh và lại con quan ngục (Chuyển-vận-Sứ...) xin đừng cho vào hạch thi. Tờ Tư chưa kịp phát, có người nói với tiên-sinh, tiên-sinh tức giận, đi thẳng tới nơi trọ, tìm anh Huấn giữa đám học trò đông, tiên sinh biện bác rầy rà, lời lẽ ngay thẳng, và giọng nói dữ dội lắm, anh Huấn ta không trả lời được câu nào, tiên-sinh nói câu cuối cùng rằng : « Tờ Tư ấy phát bố ra, thì cái thù không đội trời chung, chớ không còn thầy còn trò chi nữa ». Anh Huấn có

bụng khiếp, cầm tờ tư đó, chỉ bấm miệng mà thôi, rồi cũng vô sự. (Tiên-sinh độ ấy học tại trường Tỉnh, đã có tiếng, nên quan Đốc Mã-Sơn có binh vực cho).

**4)** Ở trong đám quan trường mà có lòng sợ được sợ mất, sao cũng bị người ta ngu lộng. Tiên-sinh làm một chức thuộc-viên ở Bộ mà xem cũng như không, nên không ai dọa nạt được.

Một ngày nọ, trong cửa Ngọ-Môn, đang bài thiết triều nghi, anh Thị-lang nọ bận áo triều-bào, coi quân lính trần thiết nghi-trướng, tiên-sinh cầm dù đi ngay vào, anh Thị ta cho là phạm tất, bảo bọn lính xô ra (vì tiên-sinh không đeo thẻ bài, nên giả làm không biết là ai). Tiên-sinh cầm dù đùa cả bọn lính, anh Thị ta lại gần, tiên-sinh tay nắm áo bào, cãi chống hồi lâu, không chịu khuất, anh Thị ta thấy tiên-sinh khẳng khái, lại sợ xé rách áo bào không nói câu chi, bọn liêu thuộc xúm lại phân giải ra, anh Thị ta về nhà giận lắm, rao lên rằng sẽ dâng sớ tham cách, ý muốn tiên-sinh tới nói một câu, đặt giải xấu với công chúng ; những bọn liêu thuộc cũng khuyên tiên-sinh hãy tới nói một câu cho xong chuyện. Tiên-sinh nhất định không chịu tới, nói rằng : « Có làm chi nữa, đến mất cái Thừa-biên này là cùng ». Rồi bỏ đi chơi, việc ấy cũng yên ; vì biết tên nghịch hán nọ không lấy quan chức có không làm cần, không phải như người khác mà lấy đều tham cách dọa được.

Lại một lần nữa tại nhà ông Đào-nguyên-Phổ (đỗ Hoàng-Giáp ở Kinh, ham sách mới lắm, sau làm Chủ-bút báo Đại-Việt) cùng anh em bàn văn ông Âu, ông Tô, xảy có Ngự-sử anh Huỳnh... đến, chính lúc bàn luận đang say. Anh

Huỳnh ta nói rằng : « Các anh không phải Âu, Tô, sao dám bàn văn Âu, Tô <sup>13</sup> ». Tiên-sinh vừa chào mà trả lời rằng : « Cứ như lời quan lớn nói đó thì chức Ngự-sử Triều-đình cũng là hư thiết đó thôi ». Huỳnh mỗ ngạc nhiên, không hiểu, hỏi rằng : « Anh nói cái gì vậy ? » Tiên-sinh nói : « Không phải Thiên-tử, không được nói việc Thiên-tử, không phải Tể-tướng, không dám bàn việc Tể tướng, thì chức Ngự-sử không phải hư-thiết hay sao ? » Cả nhà cười ồ lên, anh Huỳnh ta có hơi thẹn.

**5)** Tiên-sinh là người thích thắng, không có cách cẩn-thủ mực thước như bọn hủ đạo-đức kia ; bình sanh trong trường quan côi sắc, dám bạc cuộc say, chỗ nào cũng chui mình vào, không thềm trở tránh chi cả. Song đã biết là lụy thì tức thì gò ngựa, không bước vào nữa, chứ không có chút gì là quyến luyến. Thường bảo ông Nghè Trần (Trần-quí-Cáp, Tiến-sĩ trong tỉnh, bạn thiết với tiên-sinh) rằng : « Người ta lâm cái cảnh tình dục ham muốn, vào trong ấy mà lại ra được, mới là hào kiệt, mới là không nịch ; như các anh là đứng ngoài xa trông vào mà đã sinh lòng sợ, không dám lại gần đó thôi ; nhất đán vào trong, biết đâu không mê mà bị nó lụy mình như các người khác ? »

Ông Nghè Trần thâm phục câu nói ấy, song trả lời rằng : « Để cho đến vào trong mà không ra được, thà không vào là hơn ! »

Một đời tiên-sinh hẳn đã làm được như lời nói. Hãy kể một chuyện như sau này :

Ở Kinh, ông Hầu nọ có một người con gái, có tư sắc, biết nghề đờn, nghề thơ, tuổi độ vài mươi, chưa chồng, tường đông ong bướm đi về xôn xao. Một ngày nọ, anh em cùng tiên-sinh tới chơi, nàng ấy thấy tiên-sinh dung mạo khác thường, có lòng ái tài, như Trác-văn-Quan với Tương-Như<sup>14</sup>, cậy người ngỏ ý, tiên-sinh cũng nhận lời, song hứa rằng : để cáo với phu-nhân nhà đã. Từ đó thi văn qua lại hơn vài tháng, có ý triền miên (trong tập thi có mấy bài tuyệt cú, có câu rằng : Biết đấng danh lưu giữa bụi hồng, gặp nhau há lẽ một cười không ?...) tức là làm hồi đó.

Ít lỗi tiên-sinh về thăm nhà, nàng ấy sắm tiền-vật đưa lên đồ, tiên-sinh không nhận, nói rằng đợi về cáo với phu-nhân đã. Về đến nhà hồi lâu, thấy phu-nhân ở ngoài đi vào, quần áo lang thang, tay chun bùn lầy, hỏi ra thì coi cầy ngoài ruộng về nấu cơm trưa, đang đem cho bọn cầy. Tiên sinh thấy thế, như nước lạnh xối sau lưng, nghĩ thầm trong bụng rằng, cái người trong mắt mình với cái người trong ý mình, khác nhau xa lắm : một mai mang người ấy về, biết đặt vào chỗ nào ? Ngẫm nghĩ một hồi, cái cao hứng mấy lâu đeo đuổi, và hăm hở mang về đó, biến đi đâu mất, không hờ một điều gì ; cái dây tình dẫn dít mấy lâu, chỉ một lưỡi dao đứt hẳn, như không có vậy. Nàng ấy lấy làm lạ, gởi thư oán trách, tiên-sinh không trả lời, chỉ viết một câu rằng : « Đừng lấy cố ta mà làm ! »

Than ôi !! Sóng sắc đắm người, xưa nay biết bao mà kể ! Câu chuyện tiên-sinh đó, thật nên nêu ra để làm gương cho bọn thiếu-niên sau này vậy. (Chuyện đó là tiên-sinh lấy

nghĩa lý mà đoạn tình dục chớ không phải bọn cụ nội sợ vợ, không được lột miếng).

**6)** Nam-du về đi ngang Phan-Rang, người Quản-đạo đó là người trong Nam, hơi thông chữ Hán, có tánh tự phụ khinh người ; tiên-sinh vẫn không quen biết, song nghe người ta nói, vào chơi đi thẳng vào ngồi nói chuyện, anh Quản ta lấy làm lạ, tiên-sinh nói : « Ông quên tôi sao ? Sao không có ký tánh thế ? » Anh Quản ta ngồi nghĩ hồi lâu, tiên-sinh lại nói : « Thong thả ông sẽ nhớ lại, xin cứ ngồi nói chuyện đã ». Tiên-sinh thuật chuyện Nam-du và nói rằng : « Trước nghĩ rằng Nam-Trung là đất Yên, Triệu <sup>15</sup> nước ta, chắc nhiều người bi ca khảng khái... nay xem lại chỗ thấy không được như chỗ nghe ». Nhân đọc cái thư gửi cho Trương công-tử một đạo (Trương là con nhà thế gia ở Nam-Trung ra Phan-Rí chịu giới thiệu việc Nam-du cho tiên-sinh, đi vào Nam trước mấy lần, rồi gởi cho tiên-sinh một cái thư, không nói điều gì, chỉ giục tiên-sinh vào, tiên-sinh viết thư này trả lời, và từ đi về Bắc, đại khái nói thời cuộc cạnh tranh, cùng nước nhà suy sút, nòi giống tiêu mòn, người có huyết tánh không lẽ ngồi yên được...) Anh Quản ta biết tiên-sinh kích mình, khen rằng : « Như ông thật là người có đại chí ». Tiên-sinh nói : « Sinh trong nước Nam ta ngày nay, mà không có lòng lo đến chủng tộc, thì không phải người nữa, có gì là đại chí ? » Quản ta biết tiên-sinh là người khác thường, đãi cách kính trọng, tiên-sinh nói tên họ rồi đi.

Đến Bình-Định, vào thăm ông Huyện Phù-cát, ông Nguyễn-quí-Long, ông ấy làm quan mà có tánh thích thẳng, ưa nghe tiên-sinh nói chuyện. Hồi ra về, đưa ra sân dùng



dằng mãi, không chịu rời tay, và sách câu lưu-đản, tiên-sinh đọc liền rằng : « Lòng nhọc chánh thời ươn, một cõi đơn ca nghe đất dậy, kẻ đi người ở lại, hai ta tâm sự phú trời soi... » Ông Huyện mừng lắm như được một cửa báu, từ về xem đặc ý lắm.

Ra Quảng-Ngãi, vào nhà ông An-Ba (Bố-chánh hưu, Lê-Khiết, ở làng An-Ba, trước là môn hạ ông Thạch-Trì Nguyễn-Thân, gần đây thôi quan ở nhà, Thạch-Trì có ý sợ, ông ấy có tư-tưởng mới nhiều ít), trong lúc nói chuyện, tiên-sinh muốn dẫn tới đường mới, bàn nhân-vật hiện thời và môn hạ Thạch-Trì, tiên-sinh nói : « Môn-hạ ông Thạch-Trì không có người ».

- Sao mà ông biết ?

- Tài lực oai vang như Thạch-Trì, và cầm quyền nước đã lâu, mà không làm được công danh sự-nghiệp lớn lao, chỉ rút cuộc đến phú quý một mình mà thôi. Môn-hạ có người, rao lại như thế ?

Ông Bố An-Ba, người phụ-khí, vì câu nói khích trên, có ý tức, nói : « Ông chưa biết, chứ trong cũng có người... »

Nói chưa dứt lời, tiên-sinh liền đỡ lời : « Nếu có người thì ông Thạch-Trì lại không tin dùng ».

Ông Bố đặc ý, vỗ bàn cả cười, nói : « Thật như lời ông » (vì lúc ấy ông Bố bị đả lạt lẻo).

Than ôi ! Chỉ một bữa nói chuyện đó, mà ông An-Ba đổi ngay chí-khí, cố lệ sĩ phu trong tỉnh, sau chết về cuộc dân biến năm 1908.

**7)** Cụ Đề-Thám cứ hiểm miền Phồn-xương chống với người Pháp, hơn hai mươi năm, tiếng tăm lừng lẫy trong nước. Tiên-sinh vào ra mắt, cùng nói chuyện, khuyên cụ nên mở cửa dung nạp... Cụ Đề muốn cầm tiên-sinh lưu giúp việc mà tiên-sinh không khấn. Sau nghe tiên-sinh Đông-độ, và bị bắt ở Hà-Nội, cụ Đề lấy làm tiếc, bảo thủ hạ rằng : « Phải ông Phan ở đây đã khỏi cái nạn ấy ».

**8)** Tiên-sinh Đông-độ về, nhà đương-cuộc thường cho người tới thăm. Tiên-sinh muốn tới nói chuyện với Công-sứ Tỉnh, lại nghĩ rằng đường đột đi tới, có lẽ người ta khinh dễ. Tiên-sinh viết một cái thư cậy người quen dẫn giao đem tới Ông... Cỗ Đạo ở Trà-Kiệu, có ý muốn nói chuyện. Cỗ ấy đã có nghe tiếng tiên-sinh, lại nghe nói đi Nhật-Bản về và có làm bài điều trần, định ngày tới nhà thờ làng Phước-Kiều nói chuyện. Ông Cỗ hỏi tiên-sinh việc đi Nhật-Bản có không ? Tiên-sinh nói việc ấy khó nói ; nói có thì người ta cũng không tin, nói không thì người ta nghĩ rằng có, chỉ tôi biết lấy tôi mà thôi, không phải nói.

- Đi Nhật-Bản thì đi đường nào ?

- Thế-giới giao-thông nầy, đường nào lại không đi được ? và tôi nghĩ giáo-sĩ như các ngài đều là người nước văn-minh bên Tây, nay sang bên này ôm một lòng bình-đẳng bác-ái, lo dùi dặt nhân-loại, rõ xét thời cuộc, nghĩ việc tương lai, nên tôi muốn hầu chuyện, đặng tỏ tấm lòng uất-ức một đôi chút, không ngờ ngài lại hỏi những câu không khác chi giọng hỏi quan trường Annam như thế.

Ông... biết tiên-sinh có ý khích mình, trả lời một cách lạt lẽo rằng : « Nhà tôn giáo chỉ quản bên phần hồn mà thôi ».

Ông Cố... biết tiên-sinh có hoài-bảo khác người, bèn nói rằng : « Ông đã có lòng như thế, sao không tới nói với Công-sứ ? »

Tiên-sinh nói : « Tôi sẵn lòng như thế, đã làm bức thư gửi cho Toàn-quyền Khâm-sứ rồi, song có một điều này nên tôi không muốn tới : Quan Tây sang bên này, hằng ngày chỉ tiếp kiến có đám quan-trưởng mà thôi, mà trong ấy thì nhiều kẻ ô my không nhân cách. Vì thế nên người Tây có ý khinh người Annam, cho sĩ-dân cũng một bọn như thế, ấy là một điều lắm, nên tôi không muốn tới, và tôi muốn nói là việc quan-hệ đến lợi hại cả hai bên nước Pháp cùng Nam, chứ không việc riêng chi tôi. Quan Sứ có chịu đãi một cách khác, cách đãi quan Annam thì tôi mới tới ».

Ông Cố nói : « Để tôi làm giới thiệu cho ». Ông Cố mới viết thư cho Công-sứ tỏ ý tiên-sinh yêu-cầu như thế. Công-sứ bằng lòng định ngày tới nói chuyện, hơn mấy giờ đồng hồ, từ đó quan Nam không lấy ông Sứ mà nhát nữa.

**9)** Mới ra Côn-Lôn còn giam tạm trong Bagne (nhà ngục), tiên-sinh gởi tiền cho một tên Ma-tà nọ mua thuốc giấy, v.v... lâu mà không thấy đưa vào, tiên-sinh ra cửa nhà giấy đòi mãi, tên nọ giận lắm, vu rằng tiên-sinh chửi mắng lính. Gardien-Chef vào hỏi, tiên-sinh biện bạch cứng cỏi, Chef Tây cầm roi mây lắm lại, tiên-sinh giựt mà bẻ gãy, anh Chef giận, xin với Tham-biện phạt 4 ngày xiềng.

Theo lệ thường tù tội ra ở ngoài làng An-Hải, phải có lý hào nhận lãnh ; tiên-sinh ra ngoài xuất tự ý quan Tây, người làng không nhận không được ; tánh lại ngay thẳng, không chịu khuất như tui tù khác, hào lý ghét lắm, được hơn một năm, nhân dịp trong Bagrne có dịch, ngày chết năm ba người, bọn Lý dịch làng đó muốn trả đũa, lấy cớ tiên-sinh không di trình duyệt (người tội ra ở làng mỗi đêm phải tới hương hội trình duyệt rồi về) đến kêu với Tham-biện rằng tiên-sinh không tuân lệ làng, lại tánh ngang lắm, nhất định trả cho quan làng không giám lãnh nữa. Tiên-sinh nói rằng : « Con ma chuyên chế, con sát cường quyền, cũng kiêng ông thần tự-do trong mình tau, đồ dịch quỷ làm gì ». Tiên-sinh vào Bagne ở với anh em mấy ngày cũng bình yên không có việc gì.

Một ngày nọ tiên-sinh ăn xong vào trước (thường thường ở một phòng mở cửa ra ăn một lần, đợi xong hết vào một lượt với nhau, tên cai Ma-tà cầm xâu chìa khóa giáng lên, muốn đánh, tiên-sinh thuận tay bắt lấy, quăng một cái rui nhắm trên trán tên cai ấy đổ máu, cai nọ thưa với Gardien-Chef nói với Tham-biện bị bốn ngày ngục tối (cachot ou cellule : ngục tối).

**10)** Ở bên Pháp cuộc Âu-chiến xảy ra, tiên-sinh không chịu đương binh, có người vu hãm, bị giam chín tháng, sau được thả ra, tiên-sinh làm lấy mà nuôi mình, thường ở quán khách về tầng lầu thứ chín thứ mười (ở thành Paris những người nghèo thường ở trên lầu cao nhất, vì ít giao-thiệp với ai), sau các nơi đô-thành hay bị nạn trái phá, tiên-sinh ra bãi biển ở với làng chài đánh cá, thường mời đi diễn-thuyết.

**11)** Ở Tây về đến cửa Ô-Cấp, đem đồ hành-lý vào tòa Thương-chánh kiểm, quan Thương-chánh hỏi tên họ, tiên-sinh nói : « Đồ của tôi đó, ông hãy kiểm đi, không phải hỏi tên họ ». Quan Thương-chánh giận nói rằng : « Tôi qua An-nam đã mười năm, chưa thấy người An-nam nào như anh ». Tiên-sinh nói : « Tôi ở Pháp mười bốn năm cũng không thấy người Pháp nào như ông ». Nói rồi giở túi lấy thuốc hút, quan Thương chánh hỏi : « Sao lại ở đây mà hút thuốc ? » Tiên-sinh nói : « Tôi xem cả tờ yết-thị dán đó, không thấy cấm hút thuốc ». Thương-chánh cố cầm đồ lại mấy ngày, sau lại trả hết.

**12)** Ở Sài-Gòn mang bệnh, nằm nhà thương mấy hôm, nằm phòng hạng nhất như người Tây. Người làm Bếp mỗi bữa ăn, thường mang tới Tây trước, tiên-sinh biết mà ghi đó, bữa nọ bảo người Bếp rằng : « Ngày mai là phiên phải đem tới tôi trước, nếu không, chú phải bị kiện đó ». Người Bếp sợ cứ thứ tự mà đem, không dám làm qua nữa.

## **BÀI VĂN CỦA CỤ SÀO-NAM TẾ CỤ TÂY-HỒ**

**TUÔNG** thiên diễn mưa Âu gió Mỹ, cuộc nọ kém thua hơn được, ngó non sông mà nhớ bậc tiên tri !

Dấu địa linh con Lạc cháu Hồng, người sao trước có sau không, kinh sấm sét nên đau lòng hậu bối.

Vẫn biết tinh thần di tạo hóa, sống là còn mà thác cũng như còn.

Chỉ vì thời thế khuất anh hùng, xưa đã rui mà nay càng thêm rui !

Lấy ai đây nổi gót nghìn thu !

Vậy ta phải kêu người chín suối.

Nhớ ông xưa,

Tú dục Nam châu, linh chung Đà-hải,

Nghiệp thừa gia cung kiếm cũng pha đường.

Nền tác thánh thi thơ từng thuộc lối.

Gan to tày biển, sức xông pha nào kể ức muôn người.

Mắt sáng hơn đèn, tài lạnh lợi từ khi năm bảy tuổi.

Vận nước gặp cơn dâu bể, đeo vai thân sĩ, còn lòng đâu áo mao xênh xoang.

Thối nhà chăm việc bút nghiên, giấu mặt hào hùng khi tạm cũng khoa trường theo đuổi.

Song le,

Khí vẫn tranh vanh,

*Chí cùng viễn đại.*

*Tài Mã-Nê <sup>16</sup> đương chứa sức hô hào,*

*Tuồng Lộ-Địch <sup>17</sup> quyết ra tay đào-thải.*

*Đội tiên-phong đâu tá ! Gió duy-tân từ đông hải thổi vào.*

*Gương ngoại-quốc kìa là, sóng cách-mạng bởi Âu-châu dồn tới.*

*Dọc ngang trời biển rực vẻ văn-minh,*

*Tức tối nước nhà cam đường hủ bại.*

*Cá chậu chim lồng vợ vắn thẽ, sao công danh thôi vút lối tầm thường.*

*Rồng mây cợp gió lạ lòng chi, miền thanh khí thử hô người trung ngoại.*

*Cây tây học dạn dò phương tự-chủ, Lô-Thoa, Mạnh-Đức so gánh người xưa.*

*Mượn Đông-du thăm hỏi bạn đồng tâm, Hương-Cảng Hoàn-Tân lỏ len đường mới.*

*Ba tấc lưỡi mà gươm mà súng, nhà cường quyền trông gió đã gai ghê.*

*Một ngòi lông vừa trống vừa chuông, cửa dân-chủ đèn treo thêm sáng chói.*

*Phỏng khiến,*

*Trình độ dân ta cao,*

*Trí thức dân ta giỏi,*

Sức dân ta ngày một dồi dào,  
Khí dân ta ngày càng cứng cỏi,  
Một tiếng xướng có muôn tiếng họa, thần tự-do nên  
đứng đỉnh về đây.

Bạn người Việt với thầy người Âu, ma chuyên chế dám  
dùng dăng ở mãi.

Nào hay,

Trời đã éo le,

Người càng quý quái.

Chứa chan máu quốc, nước vẫn vơ hồn.

Xao xác tiếng gà trời mù mịt tối.

Trường nô-lệ chung quanh là răn rít, văn cứu thời khen  
khéo gây oan.

Ổ dã-man ngao ngán những hùm beo, miệng ái-quốc  
hóa nên buộc tội.

Thành Hà-Nội ùn ùn mây ác độc, nào kẻ lánh mình, nào  
người chống thuốc, chữ âm-mưu tô vẽ đủ trăm đường.

Đảo Côn-Lôn rục rở lửa oán cừu, thấy người thương  
nước, thấy kẻ thương nòi, tư xướng loạn dật thù ra một  
mối.

Mưa dào gió dạt xui khách lưu ly,

Bề thăm trời cao xót ông chìm nổi.

Thân, Dậu, Tuất, bấy nhiêu năm tân khổ, khi đốn cây,  
khi đập đá giữa bể trần gió bụi cũng thung dung.



Đặng, Hoàng, Ngô <sup>18</sup> ba bốn bác hàn huyền, lúc đốc  
rượu, lúc ngâm thi, ngoài cửa ngục lầm than mà khẳng  
khái.

Hội đen may cũng lần lừa,

Lòng đỏ vẫn còn hăng hái.

Quay đầu lại giả ơn tù đảo, tấm thân già còn nặng gánh  
giang sơn.

Bước chân đi tìm bạn Âu-châu, đôi tay trắng quyết phất  
cờ xã-hội.

Án tái phạm vì lời thông Đức, dạ sắt vàng thêm thử lại  
thêm bền.

Thư thất điều đón giá như Tây, uy sấm sét chẳng kinh  
cùng chẳng hãi.

Gương vĩ-nhân treo những bao giờ,

Hồn cố quốc vừa về năm ngoái.

Trước mắt nào ai hớn hở, thấy ngựa xe luống ngẩn ngơ  
chiều.

Bên tai những tiếng kêu van, nghe sưa thuế càng ngao  
ngán nổi.

Dưới miệng cọp giữ đoàn con đỏ, phúc trùng lai thêm  
bận dạ tha hương.

Trên quyền người giữ giống da vàng, lòng cảm tử quyết  
lùa quân hậu đội.

Ước những chuông hồi trống nhịp, khắp ba kỳ cho vang  
tiếng reo hò.

Mới là anh trước em sau, dặt một lũ để đồng bào găng  
gỏi.

Khéo vô tình trời chẳng chịu người,

Nên bất hạnh mừng mà hóa tủi.

Tiệc hoan nghênh mới đó, mận nồng rượu chứa phai  
mùi,

Hội truy điệu từ đây, thấp thoáng hương đà bén khói.

Anh em ta,

Đất rẽ đôi đường,

Tình chung một mối,

Gánh tồn vong ai cũng nặng nề.

Nghĩa chung thỉ lòng càng bối rối.

Sóng gió một con thuyền chung chạ, ngọn chèo đương  
lúc cheo leo.

Mây mù muôn dặm đất xa khơi, đầu ngựa nhờ ai dong  
ruổi

Ngại ngừng thay người ngọc núi sa !

Ngậm ngùi những giọt châu mưa xối !

Thương ôi !

Bể bạc còn trơ,

Trời xanh khó hỏi.

Nghìn vàng khôn chuộc lấy anh hào,

Tấc dạ dám thề cùng sông núi.

*Trước đã giỏi thời sau càng giỏi nữa, dẫu cộng hòa càng  
ráng sức theo đòi.*

*Sống đã thiêng thời thác phải thiêng hơn, thang độc lập  
quyết đều tay vin với.*

*Lời này ông xét cho chẳng !*

*Lòng ấy trời đã soi dọi !*

*Ai tài ! Thượng hưởng !*

# PHỤ MÃY BÀI THI CỦA TIÊN-SINH

## DỊCH BÀI THƠ ÔNG NGHÈ TRẦN THAI-XUYỀN TẶNG TIÊN-SINH LÚC Ở KINH (nguyên Hán-văn)

*Khỏi nước làng xưa vẫn điếu ông,  
Gió xuân đưa thẳng đến non bông.  
Hát pha khúc diều tiên cười ngất,  
Mặt nhộm hơi hèm khách trống không.  
Son phấn bàn chơi năm bảy chuyện,  
Được thua hứng cũng một đôi sòng.  
Ngư hồ giận bấy thuyền người chậm,  
Ngọn sóng chiều hôm đội cửa đông.*

## CẢM TÁC (lúc Nam-du ở Phan-Thiết năm 1905)

*Gió tố mưa giông đổ lộn phèo,  
Trời già chi nở thắt khi eo.  
Gẫm mùi trung hiếu nên cay đắng,  
Giở túi văn chương đã mốc meo.  
Bọt điểm lằng xằng lo chợ cháy,  
Con hoang lơ lững khóc cha nghèo.  
Non cao biển rộng mệnh mông cả,  
Mặc sức bơi chơi, mặc sức trèo.*

## CON MUỖI

*Mình thì ngắn ngắn cẳng thì dài,  
Nho nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai.  
Ít sức biết đâu mang đặt núi,*

*To gan có lúc cần càn voi.  
Xua tanh lũ kiến tuồng vô dụng,  
Gây mật bầy ong dạng bất tài.  
Minh bạch gấm ra thua nghĩ hết,  
Ăn người rồi lại nói bên tai.*

## **HỌA THƠ NGƯỜI GỎI**

*Mưa dầm ai dội, nắng ai dang,  
Sức nhớ ông Chi khóc dạo đàn.<sup>19</sup>  
Rắn mắt dò chơi then tạo-hóa,  
Sẵn vai nhắc thử gánh giang sơn.  
Gió giông nước cũ lòng đương bận,  
Cây cỏ non Tiên dạ những màng.  
Cuộc ngoại hời nào tay quốc thủ,  
Hơn thua một nước để ai hoàn.*

**ANH-MINH chuyên xuất-bản những di-cảo các Cụ :  
Sào-Nam PHAN-BỘI-CHÂU, Mính-viên HUỲNH-THỨC-  
KHÁNG**

**Thư từ đề : NGÔ-THÀNH-NHÂN, Hộp thư 59**

**Kiểm-duyet số 7311 ngày 4-7-1959**

**Nhà in PHÚ-THỌ – HUẾ**



# Notes

[ ← 1 ]

Cái-quan : Nghĩa là đẩy nắp quan tài lại, là chết rồi. Danh-thần đời Minh có câu : « Cái quan luận định », nói người đã chết rồi mới chắc là người thế nào.



[ ←2]

Chung-Nam : Đời Đường có anh ở ẩn núi Chung-Nam, sau ra làm quan, người ta chỉ nói mà cười rằng : « Đó là một đường tắt đi làm quan ».

[ ← 3 ]

Đào-nguyên-Phổ, người Bắc, đỗ Hoàng-giáp ở Huế, ham tân học, mua sách mới nhiều, sau làm chủ bút báo Đại-Việt.

[ ←4]

Thân-trọng-Huề người Huế, một nhà Tây-học sớm nước ta, có bài sớ xin bỏ khoa cử, sau làm Thượng-thư.

[ ← 5 ]

Cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành.

[ ←6]

Có phụ lục ở quyển « TỰ PHÁN » của cụ Sào-Nam, nhà Anh-Minh đã xuất-bản.

[ ←7 ]

Trường Đông-Kinh Nghĩa-thực ở Hà-nội, thế mà có đôi tờ báo và sách lẫn lộn cho « Đông-Kinh Nghĩa-thực » là cuộc Đông-du của cụ Sào-Nam, sai xa quá ! (**Lời nhà Xuất-bản**).

[ ← 8 ]

Hành tại là chỗ Vua đi mà trọ.

[ ←9]

Xem quyển « Thư thất điều ». Nhà Anh-Minh xuất bản.



[ ←10]

Nhà tự ở Đà-Nẵng, hiện gia đình ông bà Lê-Ấm về ở.

[ ← 11 ]

Tức « THƯ THẤT ĐIỀU », nhà Anh-Minh xuất bản.

[ ← 12 ]

Thúc-tu là lễ học trò yết thầy.

[ ← 13 ]

Âu-dương-Tu, Tô-đông-Pha đều đại-văn-hào đời Tống.

[ ← 14 ]

Trác-văn-Quan là một người con gái con nhà giàu, thấy Tư mã Tương-Như có văn tài, gả mình.

[ ←15]

Chuyện đời Hán, Yên, Triệu, hai đất ở nước Tàu, nhiều người hào kiệt.

[ ← 16 ]

Mazzini và Louis XVI.

[ ← 17 ]

Mazzini và Louis XVI.



[ ← 18 ]

Các cụ Đặng-nguyên-Cẩn, Huỳnh-thúc-Kháng, Ngô-đức-Kế.

[ ←19]

Cao-sơn-chánh-Chi, người đời Nhật-Bản duy tân đi đâu khóc đó.